

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Luân Hoán**

#### **Tiểu sử**

Tên thật: Lê Ngọc Châu – Sinh ngày 10.1.1941 tại Hội An Quảng Nam.  
Hiện tạm cư ở Montréal, Gia Nã Đại

#### **Tác phẩm**

Về trời - Trôi sông - Ngơ ngác cõi người – Cảm ơn đất đá trở thơ lục bát ca  
Ngơ ngác cõi người - Đưa nhau về đến đâu



### **Mục Lục**

**Vũ Hữu Định còn rất nhiều điều để nhớ – 2**  
**Xuân Phổ, cuộc hành quân đầu đời binh nghiệp - 4**  
**Phan Ni Tấn, câu thơ về... - 13**  
**Võ phiến, cuối cùng tôi được gặp - 22**

#### **Phụ đính thơ:**

Chiều trên sườn đồi - Em gái - Trong cõi nhớ - Đi ngang  
Nghe mưa - Ở ngã tư Ba La - Chiều phố theo em - Ở tình lận lừng

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vũ Hữu Định, còn rất nhiều điều để nhớ

Với chiều cao khoảng một thước sáu nhưng có bề ngang, cộng với dáng đi chữ bát, cộng thêm lối ăn vận lè phè, nhà thơ Vũ Hữu Định trông gần như hơi thấp. Anh không có khuôn mặt đẹp trai, nhưng nhìn rất bắt mắt. Nụ cười xuề xoa luôn luôn đi trước giọng nói dí dỏm, bộc trực đã thấp sáng khuôn mặt ngả màu nâu sậm của nhà thơ miền trung ra đời vào thập niên bốn mươi này. Năm 1970, năm tôi không may mắn phải giải tử rừng núi và phố chợ Quảng Ngãi để trở về với Đà Nẵng, tôi đã gặp và quen nhà thơ Vũ Hữu Định. Lúc đó hình như anh đang mặc áo cán bộ xây dựng nông thôn. Địa bàn công tác của anh lòng vòng ven rìa thành phố như Thanh Khê, Hà Khê, An Hải, Sơn Trà... Anh chọt đi, chọt về. Đặc biệt là lúc nào cũng có vẻ thông dong, giàu có thời giờ phát phơ phở xá. Anh làm thơ nhiều trong giai đoạn này. Thơ của anh hầu hết được đăng trên các tạp chí văn chương tại thủ đô Sài Gòn.

Bài "phố núi cao...phố núi đầy sương...", một bài thơ viết về thị trấn Pleiku, một phố thị miền núi của cao nguyên Việt Nam, với đầy đủ nét hoang sơ, lạnh lùng, đã được nhìn, được vẽ bởi một nhà thơ hết lòng yêu thiên nhiên, nên vô cùng linh động, thân mật. Trời đất và con người như một khối đồng nhất, thờ chung một nhịp. Tất cả đều có thật, ngoại trừ nhân vật chính, người đã khai mở, dẫn dắt thi tứ của chàng thi sĩ dừng chân ở một nơi "đi dăm phút trở về chốn cũ." Trong cái hạn hẹp của một không gian hoang vắng, trước cái trống lạnh của tâm hồn, Vũ Hữu Định chọt thấy trên đường anh đang đi "may mà có em đời còn dễ thương." Và anh đã chân thành "cảm ơn thành phố có em", một thành phố núi đã ưu ái cho đời anh "còn một chút gì để nhớ, còn một chút gì để thương." Người em tuyệt vời kia, cái ngôi sao lấp lánh, thấp sáng cho cảnh sắc Pleiku quần tụ chung quanh, trong một cuộc nhúng lờ vào rượu, Vũ Hữu Định đã tiết lộ cùng tôi em chỉ là vóc dáng tưởng tượng mà anh đã nhật ra trong những giờ phút trôi nổi linh hiển nhất của anh: làm thơ. Mặc dù người đẹp của Vũ Hữu Định không hiển hiện bằng xương thịt như anh đã bày tỏ, nhưng nàng đã thờ vào thơ anh làn hơi ấm áp tình người đủ để ngôn ngữ anh tác thành bài thơ lộng lẫy. Và may mắn hơn nữa bài thơ đã được người nhạc sĩ tài hoa chấp thêm cho đôi cánh vàng nên sức bay của nó càng lên cao, thêm xa, sống còn đến ngày nay trong lòng người thưởng ngoạn.

Thơ Vũ Hữu Định giống như bản tính của anh: yêu đời, thông dong, cởi mở. Ngoài thơ và rượu, giao du với bạn bè cũng là cái thú lớn của anh. Người bạn thân của anh thời đó có lẽ là anh Đoàn Huy Giao, một nhân viên nhà in Da Vàng của anh Khanh, bạn tôi; một thành viên khăn đỏ của những ngày sau 29 tháng Ba, 1975. Vũ Hữu Định lang thang suốt ngày chỉ với hai bàn chân, không phương tiện gì khác. Chúng tôi thường gặp nhau ở quán cà phê Lộng Ngọc của cố họa sĩ Lâm Quang Phục [bỏ mình trong một cuộc vượt biển] hoặc ở trong một căn nhà trên đường Nguyễn Hoàng, tổ ấm của đám thiếu nhi bụi đời sống ngoài hè phố. Vũ Hữu Định đảm nhiệm một phần công tác dìu dắt tinh thần các em ở đây. Nhìn anh trò chuyện vui chơi với đám trẻ vô gia cư, ngoài việc bắt gặp nét hồn nhiên của anh, thỉnh thoảng tôi còn thấy thấp thoáng trong niềm vui của anh vương mắc một cái gì thật man mác ngậm ngùi.

Vũ Hữu Định có một đời sống vật chất không mấy khả quan. Quen biết nhau khá lâu nhưng anh từ chối không thuận cho tôi đến nhà chơi, cũng không hề đề cập đến gia cảnh của anh. Biết anh có vợ, có con nhưng mãi về sau này tôi mới tình cờ được gặp trong một hoàn cảnh thật buồn. Mặc dù nghèo nhưng Vũ Hữu Định vẫn thông thả rong chơi. Cảm mến bản tính của anh, trong một bài thơ nhắc đến bạn bè, bài "Trên Vương Chiếu Đời Ta" in trong tập Rượu Hồng Đã Rót xuất bản năm 1974, tôi đã viết về Vũ Hữu Định như sau:

*bỗng muốn như thằng Vũ Hữu Định  
càng nghèo càng đối càng rong chơi*

*lang thang với lũ-con-hè-phố  
còn có ai hơn? họa có trời  
vá víu lòng sầu hoa với gạo  
chê tình nhau buộc lại tao nôi  
hát ca thay thế lời cầu nguyện  
Thượng đế quên nhìn lũ bỏ rơi.*

Biến cố của đất nước năm 1975 đã làm đảo lộn cuộc sống của chúng tôi. Nhưng phải thành thật mà nói, tôi và Vũ Hữu Định được may mắn, rất may mắn hơn nhiều người, hơn rất nhiều người. Sau thời gian cải tạo ngắn ngày tại trại Ngô Văn Sở [trong thành phần sĩ quan đã giải ngũ], tôi được trở về công việc cũ nhờ có chút nghiệp vụ kế toán ngân hàng mà chính phủ mới đang cần trong lúc Vũ Hữu Định hình như đang còn bị cải tạo vì hai tội danh: cán bộ xây dựng nông thôn, tình nghi hoạt động cho CIA vì có chân trong tổ chức nuôi dưỡng đám thiếu nhi vô gia cư. Bỗng một đêm sau khi cửa hàng bán quạt máy cũ và phụ tùng của vợ tôi đã đóng cửa, chúng tôi đã ăn tối xong ngồi xớ rớ đợi điện đổ lại vào lúc chín giờ thì có tiếng gõ cửa sau. Vũ Hữu Định bất ngờ đến thăm dẫn theo một người đàn ông trung niên, áo quần mặt mũi thơm tho hương đất Bắc, mùi hương tôi đang rất sợ. Vũ Hữu Định vẫn cười mở, vui vẻ như ngày nào. Anh không chậm trễ giới thiệu: Nhà thơ Phùng Quán. Thật ngỡ ngàng xúc động! Trong niềm vui được gặp một nhà thơ từ lâu mình ưa thích, không hiểu sao tôi vẫn có chút lo sợ vẩn. Vũ Hữu Định im lặng trong lúc anh Phùng Quán chăm chú đọc bài thơ đầu trong tập Rượu Hồng Đã Rót của tôi. "Thơ đúng là thơ!" Anh Phùng Quán chợt nói. Tôi liếc qua, không thấy anh Quán nhìn lại tôi, nhưng tôi đã cảm thấy yên tâm. Dĩ nhiên sau đó chúng tôi trò chuyện, tán gẫu về văn nghệ. Tiếc rằng ngày nay cả hai anh Phùng Quán và Vũ Hữu Định đều đã ra người thiên cổ nên tôi không dám kể lể nhiều ở đây.

Lần gặp gỡ anh Phùng Quán đó là lần đầu và cũng là lần cuối! Cũng may tôi đã ghi lại ít dòng thơ để kỷ niệm. Bài thơ có tên "Mừng Gặp Người Bạn Thơ" được in trong tập Hơi Thở Việt Nam do Sông Thu và Nhân Văn xuất bản tại Hoa kỳ năm 1986. Tôi xin phép được trích dẫn hai đoạn cuối của bài thơ đó:

*bạn có nhớ không lời mẹ dặn  
hoang vu nằm dưới những gót giày  
ta mơ trời sáng ngồi chép lại  
thơ bạn run lên những ngón tay*

*giờ chừ dãi bạn không còn rượu  
chan chứa còn đôi giọt mực này  
và đây khói thuốc ngày gặp gỡ  
đóm lửa loè lên được mấy giây.*  
(Hơi Thở Việt Nam, trang 83)

Bài thơ này tôi chưa có dịp gửi đến anh Phùng Quán và chắc chắn bạn đọc cũng rất khó phát giác tôi viết để tặng anh. Bởi lẽ ba chữ Lời Mẹ Dặn tôi cố tình cho in bình thường không viết hoa. Vũ Hữu Định cũng chưa đọc qua bài thơ này, kể cả nhiều bài khác tôi viết sau năm 1975. Tôi ngại cho anh đọc bởi vì anh có tính thích bốc thơm bạn bè lại không được kín miệng khi đã say chuyện văn nghệ. Thời điểm này Vũ Hữu Định cũng làm thơ nhiều, mỗi lần ghé tôi chơi anh đều đọc cho tôi nghe những sáng tác mới. Tiếc rằng trí nhớ của tôi rất tồi tệ và thú thật tôi đã rất lơ đãng trước nhiệt tình của anh. Tôi sợ. Không phải sợ Vũ Hữu Định mà sợ những ông bạn văn mới có, cũ có đang quây quần bên anh, những T.B. và nhất là những Đ.T., Đ.H.G. Trước khi tôi xin nghỉ việc để lo giấy tờ xuất cảnh, Vũ Hữu Định còn tạo cho chúng tôi một kỷ niệm khó quên. Lúc đó không hiểu vì lý do nào Vũ Hữu Định được vào làm việc tại Nhà Đèn Đà Nẵng.

Anh còn tạo được uy tín trong đám công nhân cùng sở. Họ đã ủy thác cho anh làm đại diện đến ngân hàng để xin rút số tiền bị thu hồi còn quản lý. Danh sách công nhân quá đông. Theo quy chế ngân hàng chỉ duyệt chi cho mỗi cá nhân một số nhất định. Vũ Hữu Định đã thuyết phục tôi lợi dụng sự ưu ái của người kế toán trưởng đối với cá nhân tôi, duyệt chi cho anh và tất cả bạn anh toàn bộ số tiền. Tôi thật vui khi hoàn thành được công việc này. Nhưng chưa đầy một tháng sau, tôi lo sợ biết được cả số tiền đó Vũ Hữu Định đã thua trong một cuộc cá độ bóng tròn trước sân Chi Lăng. Tôi chờ đợi sự rắc rối đến với người kế toán trưởng và chắc chắn có ảnh hưởng đến tôi khi có người đến khiếu nại sự duyệt chi. Nhưng rồi mọi sự cũng qua. Gặp Định, vẫn với nụ cười đi tiên phong, anh đã hạ ngay những bức mình cố hữu của tôi. Tôi cũng là một người mê bóng tròn nên thời gian cùng Định đứng tán dóc trước sân Chi Lăng không phải là ít. Một hôm đang ngồi với họa sĩ Hoàng Trọng Bân trong một quán cà phê vỉa hè ở Saigon, tôi bàng hoàng nhận được tin Vũ Hữu Định đã mất qua một người quen vừa từ Đà Nẵng vào. Người bạn đó kể lại anh nghe đồn có hai nguồn tin về cái chết đáng tiếc này: Thứ nhất, Vũ Hữu Định đến chơi nhà một người bạn văn bên An Hải (bên kia sông Hàn) và vì nhậu quá say, trong lúc tìm nơi tiểu tiện đã ngã xuống từ trên gác lửng bỏ mạng. Thứ hai, Vũ Hữu Định được một số đồng bạn văn mời nhậu. Tất cả cùng quá chén và trong cái say nội địa đó có người đã cố tình xô ngã Vũ Hữu Định vào cửa tử. Giữa thời cái ác lẫn cái thiện, mạng sống con người rẻ hơn phân bón, trước cái chết của một nhân mạng từng được gán nhãn hiệu nguy quyền nguy dân, ai hơi đâu phí công điều tra, tìm hiểu. Tôi nhúc đầu liền mấy ngày trước tin Vũ Hữu Định mất. Tôi không hề tin anh bị mưu sát, nhưng lạ thật, trong lòng cứ băn khoăn. Hôm nay, ngồi trên đất người, tự cho phép mình về hưu non, nhớ, viết về đám bạn già cũ trong những ngày ngồi chờ ăn cháo lú cũng là một cái thú. Và khi viết về Vũ Hữu Định, nỗi băn khoăn của tôi vẫn còn thao thức. Tôi hy vọng sẽ có một ngày nhận được từ đâu đó trong đám bạn bè cũ của chúng tôi, cho tôi biết thật chính xác về cái chết của Vũ Hữu Định. Dĩ nhiên biết chỉ để mà biết. Quả là một trong những cái lảm cẩm của một con người đang ở vào giai đoạn nuôi mạng sống mình bằng hai thành phần thực phẩm: kỷ niệm nhiều hơn chất đạm. Viết về Vũ Hữu Định mà không nhớ, không tìm ra đôi bài thơ của anh để gởi đến bạn đọc cùng thường thức thì thật là thiếu sót. Đã thế, vì kỷ niệm, tôi đã tham lam trích dẫn ít dòng thơ của tôi và cuối bài viết này tôi cũng không thể không liềm trích thêm bốn câu nữa trong thi tập Nuôi Thơm Chùm Kỷ Niệm Xanh [xuất bản năm 1994] đã dành cho Vũ Hữu Định như một nén nhang:

*Gặp nhau giữa đám bụi đời  
Trái lòng mà rước nhau ngồi với thơ  
Mày theo Lý Bạch, bất ngờ  
Nhói lòng ta rắc rượu vào ánh trăng*

Xin vĩnh biệt người bạn thơ đã để lại trong tôi rất nhiều điều để nhớ, rất nhiều điều để thương.

## Xuân Phổ, cuộc hành quân đầu đời binh nghiệp

Những ngày phép sau khi rời trường Thủ Đức đã nhẹ nhàng đi qua khá lâu. Chúng tôi cũng đã vào đến thị xã Quảng Ngãi từ ba hôm trước. Dẫu dựa hơi một rều dù che, hôm nay, chúng tôi cũng nhất quyết xếp lại cái lè phè bỏ túi, để xuất đầu lộ diện tại văn phòng Bộ chỉ huy Trung đoàn 4, thuộc sư đoàn 2 Bộ Binh. Một đơn vị mà mỗi cá nhân chúng tôi đã tự chọn. Một chỗ về đã được sắp đặt trong định mệnh ?

Bộ chỉ huy Trung đoàn 4 nằm cách thị xã Quảng Ngãi khá xa. Phương tiện chủ yếu để đến với cái cửa ngõ vào mặt trận này là xe ngựa. Một loại xe thô sơ, cục mịch, na ná như một cái xe bò, có mái che. Bánh xe thường được trưng dụng bởi những bánh xe hơi phế thải. Điều này có

lẽ đã làm khó cho những chú ngựa nhỏ con, ăn không chắc đầy bữa. Ngoài xe ngựa, xe lam ba bánh và xe xích lô cũng có lưu hành trên tuyến đường này, nhưng thưa thớt và ít bắt được mỗi hơn.

Sau khi dùng bữa trưa tại quán cơm Bắc Hải, bốn thằng tân Chuẩn úy, với bảng tên to tướng trên túi áo trận: Châu, Tùng, Pháp và Lộc ra đứng nhấp nhóm một bên đường Phan Bội Châu, gần Ty Bưu điện. Bốn cậu lính sữa nhưng đã bộn tuổi đời có vẻ lười biếng, đã không chịu dùng phương tiện xe ngựa chậm tiến. Các cậu chưa kịp ghiền nhíp gõ móng lóc cóc, hòa cùng tiếng leng keng của lục lạc, ầm áp, reo vui. Các cậu cũng chưa biết dành thời gian ngồi vắt vẻo trên xích lô, để ngắm, bắt những hình ảnh sinh động của nhiều thành phần dân cư xử kéo gương, đường phố. Các cậu cũng chưa biết thêm cái mùi mồ hôi, mùi rau cải, cái tổng hợp hương sắc của thế giới lao động, gói lại trong lòng một chiếc xe lam. Các cậu vẫn là một thứ công tử dỏm của thành phố, hí hửng đứng làm những tên hành khất, xin ...quá giang xe nhà binh. Rất may, những anh tài xế quân đội ở Quảng Ngãi thật dễ thương. Chỉ vài lần đưa ngón tay cái chỉ trời, đã có anh thắng xe ngay giữa mặt lộ. Những nụ cười vô âm thường được thay những tiếng cảm ơn. Đây là những thói quen kỳ diệu, làm sáng lên bốn chữ: Huỳnh Đệ Chi Bình .

Trên toàn lãnh thổ miền Nam Việt Nam, Quảng Ngãi là một tỉnh có nhiều cơ cấu của cộng sản Bắc Việt gài lại để quấy phá, khủng bố. Có lẽ do ảnh hưởng của sự bất ổn thường trực, thành phố nhỏ của tỉnh này gần như đồng phục trong màu xanh ô liu. Bộ chỉ huy sư đoàn 2 Bộ Binh đồn trú gần ngã tư Ba La, ngay trong thành phố. Tuy không luôn luôn nằm trong tình trạng thiết quân luật, nhưng tất cả quân nhân các cấp đều ở trong tư thế sẵn sàng tác chiến. Ngoài ra, thành phố Quảng Ngãi còn có lực lượng Địa Phương Quân trực thuộc Tòa Hành Chánh tỉnh Quảng Ngãi. Cộng thêm những đội ngũ Nghĩa Quân, Cán bộ Xây Dựng Nông Thôn cũng được trang bị đầy đủ. Mũ sắt, súng đạn kè kè bên mình. Xe nhà binh đủ loại nhện nhíp lưu thông, giữa đồng đảo cư dân từ nông thôn, miền núi tập trung về lánh nạn cộng sản. Thành phố thờ bằng những nhíp tim của cuộc chiến. Khác hẳn với nét mặt phè phỡn của thủ đô Sài Gòn, sự thanh thản của Đà Nẵng, và cái lẳng mạn muôn đời của Huế. Thành phố Quảng Ngãi, nằm cách Sài Gòn 838 cây số, cách Hà Nội 883 cây số, lúc bấy giờ là một cái lưng, cõng trung thực nhất hình ảnh chiến tranh Việt Nam.

Từ chỗ chúng tôi đứng đón xe quá giang, chiếc Dodge nhà binh chở chúng tôi chạy ngang Tòa Tỉnh, sân vận động, bệnh viện... rồi rẽ phải, vượt qua một trạm gác đường sắt để vào con đường đất, bụi đỏ. Xe chạy giữa ruột hai hàng nhà tôn, qua một khu chợ nhỏ, qua một bãi mía xanh, đến một vạt dừa. Những cây dừa ở đây đa số đều đứng trong tư thế nghiêng nghiêng. Dưới mỗi gốc, gần như đều có một nóc gia binh mái lá, mái tôn tạm bợ. Người tài xế quân xa không nhận thù lao. Và với thói quen, một phản xạ tự nhiên, anh thắng xe ngay trước ngõ vào phi trường Quảng Ngãi. Gọi là phi trường nhưng sân bay này chỉ có một phi đạo độc nhất và một ngôi nhà nhỏ, chỉ có người làm việc trong những giờ có máy bay đến và đi. Hình như mỗi tuần được một lần như vậy.

Cổng bộ chỉ huy trung đoàn 4 Bộ Binh đã hiện ngay phía trước mặt chúng tôi, bên trái, cách ngõ vào sân bay chừng một trăm năm mươi mét. Một người lính quân phục chỉnh tề không đứng trong vọng gác. Anh thả từng bước chậm rãi như muốn đo bề ngang cái cổng rộng bao nhiêu. Chiếc nón sắt nặng nề, xoay qua xoay lại theo hướng nhìn của anh. Mũi khẩu garat M1 anh ôm trên tay hơi chúi đầu ruồi xuống đất. Trời đã lừng lừng chiều, ánh nắng còn rực rỡ. Tôi nhìn hàng cây xanh bên kia đường phi đạo, nghe cả tiếng gió thổi nhẹ giữa đất trời, rờn rợn những rình rập. Đầu đó trong hàng cây có những đôi mắt theo dõi, thăm dò. Người lính gác đứng nghiêm chào chúng tôi. Sau khi chúng tôi xuất trình sự vụ lệnh chuyển, anh nhìn vào doanh trại và chỉ vị trí văn phòng ban Tư Trung đoàn bằng ngón tay trở đen đen.

Chúng tôi đi hàng ngang. Từ ngoài sân tôi đã thấy một viên trung úy, ngồi chống tay trên bàn nhìn ra. Hình như anh hơi nhướng mắt quan sát chúng tôi. Những cái lon chuẩn úy còn quá vàng trên cổ áo chúng tôi chắc đã giúp viên Trung úy nhớ ra điều gì. Ông Trung úy tên là Phụng, Nguyễn Văn Phụng, anh ruột của Nguyễn Văn Đồng, tên thật của nhà thơ Hà Nguyên Thạch, bạn tôi. Có lẽ Đồng và Đynh Hoàng Sa cả Lê Văn Nghĩa nữa, đã nói với trung úy Phụng về sự trình diện của chúng tôi hôm nay. Cũng kể như một sự gợi gắm. Có quen biết chút đỉnh còn hơn không.

Cả bốn chúng tôi thi hành thủ tục trình diện đúng qui cách nhà binh. Gót botte de saut đánh cộp một tiếng, thân thẳng, ngực hơi ưỡn về trước, mắt nghiêm nghị nhìn thẳng vào người đối diện, bàn tay phải nắm ngón xếp sát vào nhau, mạnh bạo đưa lên, đầu những ngón tay chạm cuối chân mày mắt phải. Tôi cố chút ngưng ngưng khi xưng tên mình. Bài bản trình diện có phần thiếu tiêu chuẩn quân trường. Nhưng điều này đã giúp Trung úy Phụng có cơ hội thực hiện được tính cởi mở của ông.

Trung úy Phụng cho chúng tôi biết, theo nhu cầu bổ sung, cả bốn chúng tôi đều về Tiểu đoàn 1. Trong khi ông làm sự vụ lệnh, điện thoại reo. Sau cuộc điện đàm ngắn, Trung úy Phụng cho biết Nguyễn Văn Pháp tạm thời ở lại trung đoàn. Tôi, Tùng và Lộc sẽ có xe đón ra đơn vị mới ngay. Tôi lúng túng ngồi xuống băng ghế dài. Tùng và Lộc cùng ngồi xuống, hai bên. Pháp áp úng như muốn nói điều gì nhưng rồi quay ngoác ra sân. Căn phòng im phăng phắc. Tôi chột nhảm mắt chừng một giây. Một giây vừa đủ giúp tôi qua những chao động, xao xuyên bất ngờ. Đã biết trước, đã tự nguyện vẫn không tránh khỏi những hụt hẫng, chới vơi. Một chút hối hận, một chút nuối tiếc...Đã muộn quá rồi. Đôi mắt thiếu úy Mến xa vắng, chập chờn trước mặt. Tấm bảng đen sừng sững hôm nào hiện ra. Những tên đơn vị nối nhau với những ô trống, phôi phôi chờ điền tên...ngậm ngùi, lão đảo. Văn phòng ban 4 sư đoàn 25 BB ở Đức Hòa ngày nào tôi đã ghé cùng đại úy Tham, người em con chú, để chuẩn bị một chỗ về. Tất cả đã vụt qua. Trước khi vượt qua cánh cổng Trung đoàn 4, tôi vẫn còn hy vọng nghe lặp lại như hai lần trước:

- Các anh về nghỉ thêm vài ngày, mai mốt lên...Tiểu đoàn đang hành quân chưa về.

Những cái phép miệng, không rõ ràng giới hạn thật dễ chịu, nay đã không còn nữa. Tùng nói thoáng bên tai:

- Chắc bọn mình cùng về một đại đội.

Trung úy Phụng bước ra sân. Tôi nhìn Pháp đang bám theo người Trung úy nhả nhận. Hình như Pháp muốn hỏi một điều gì đó. Lộc cười không e dè. Hấn thọc một ngón tay vào nách tôi, cù lét. Một thói quen dễ thương, mỗi khi hấn thoáng thấy vẻ trầm ngâm trên mặt tôi.

Lộc là một thanh niên đẹp trai, cao khỏe. Hấn chưa bị gọi động viên, nhưng tình nguyện nhập ngũ. Hơn thế nữa, lẽ ra giờ này hấn không phải ngồi cùng chúng tôi. Hấn được chọn qua binh chủng không quân, nhưng đã nhất quyết từ chối. Hấn vừa chính thức cưới vợ mới hơn một tuần nay, mặc dù hôn thú đã được lập trước khi nhập ngũ. Vợ của Lộc không xa lạ gì với tôi, chính là Đào, em gái của Tùng. Trong giao tình giữa tôi và gia đình Tùng, từ lâu tôi đã xem Đào như em gái.

Sự vô tư, hồn nhiên của Lộc đã giúp tôi lần Tùng trở lại bình thản. Và tôi vừa nhận ra trời đang có cơn mưa nhẹ hạt. Mấy ngày trước đây, một trận lũ lụt đã về thăm tỉnh Quảng Ngãi. Tôi mở khóa nịt, nới thêm thắt lưng ra một chút, hơn nửa tháng nay liên tục nốc bia, bụng tôi rõ ràng đã hơi phồng ra.

Ba chúng tôi được đưa về căn cứ Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 4 Bộ Binh vào ngay lúc chạng vạng. Căn cứ này, thời bấy giờ được đặt ở Rừng Lãng, nằm ngay sau lưng doanh trại bộ chỉ huy Trung đoàn. Cũng như nhiều cứ địa dưỡng quân tạm thời khác, căn cứ của tiểu đoàn 1/4 Bộ Binh chỉ là một khoảnh đất trống với hai dãy nhà tôn không có vách, cùng một hầm nổi lớn, nằm giữa ba hầm nổi nhỏ hơn, được thiết lập bởi những bao cát có sườn bằng gốc cây bên trong. Tất cả những xây dựng trú phòng lẫn chiến đấu đó, được nằm trống trải trong vòng tròn một đường hầm, với chiều sâu, ngòi xấp xỉ ngang vai. Bên ngoài đường hầm được thả nổi ba, bốn lượt giây kẽm gai, đã rỉ sét. Nhìn chung, không mấy kiên cố và an toàn.

Chỉ chừng mười phút, ngồi trong doanh trại dã chiến, ngó cái ảm ướt, tăm tối chập xuống chung quanh, chúng tôi bắt gặp tiếng động cơ, rồi thấy những ánh đèn xe quét từng vệt dài trên sân đất. Đoàn GMC đã đưa những chiến hữu còn lạ mặt của chúng tôi về tới.

Trong hầm cát chỉ huy, Đại úy Tiểu đoàn trưởng, vừa mở một lon bia, vừa văng tục. Ông nhìn phớt chúng tôi. Trong ánh đèn không đủ sáng, trong cả sự hờ hững. Tôi nghĩ ông chưa kịp thấy những chiến hữu, những thuộc hạ mới của ông. Những cuộc hành quân gối đầu nhau, một phần nào đã làm ông mệt mỏi, bức mình. Quả khó tránh được như thế, khi chuyển ghé về doanh trại này, cũng chỉ là một sự đóng quân, nghỉ qua đêm chớp nhoáng như những đêm vừa qua.

Cuộc hành quân kế tiếp sắp được xuất phát sau mấy tiếng đồng hồ nữa. Chúng tôi được ba Đại đội trưởng hiện diện chọn nhanh chóng. Tôi thuộc Đại đội Hai của thiếu úy Hào, người Huế. Tùng và Lộc về với trung úy người miền Nam, tên Thiện Đại đội Ba. Ông Thượng sĩ thường vụ được gọi tới. Mỗi chúng tôi ký nhận một khẩu carbin cũ kỹ, cùng với một cấp số đạn đúng như qui định.

Tôi theo chân Thiếu úy Hào về góc bố trí của Đại đội. Không cần tập họp, không cần giới thiệu. Tôi được Thiếu úy Hào chỉ định làm Trung đội trưởng trung đội Hai, và thi hành lệnh tức khắc. Trung sĩ Nặc, người đang nắm trung đội Hai, giao lại cho tôi bản đồ hành quân và địa bàn ngay trong lúc anh đang mắc võng. Qua ánh sáng nhá nhem của một ngọn đèn, câu từ một bình điện xe treo lòng thòng giữa lán trại không vách, tôi nhìn không rõ mặt trung sĩ Nặc, nhưng biết đó là một thanh niên rất trẻ, nhỏ hơn tôi chừng bốn, năm tuổi.

Trong hầm bao cát chật của thiếu úy Hào, tôi gặp Chuẩn úy Nguyễn Văn Bầy, người Bình Dương. Anh cùng khóa 24 với tôi, nhưng đã trình diện đơn vị một cách nghiêm chỉnh, nên đã tham dự vài cuộc hành quân vừa qua. Chuẩn úy Bầy đang giữ chức Trung đội trưởng trung đội

1.

Thiếu úy Hào, mở bản đồ của ông và vấn tắt cho chúng tôi biết cuộc hành quân vào ngày mai. Điểm xuất phát, chính là doanh trại, nơi chúng tôi đang ở. Mục tiêu thứ nhất, tôi vừa nhìn, vừa dùng bút-chì-mỡ khoanh một vòng đỏ trên bản đồ riêng của mình. Cái tên Xuân Phổ nằm trong cái vòng tròn đỏ ấy. Theo kế hoạch, đại đơn vị phải kiểm soát mục tiêu trước khi mặt trời mọc trong im lặng, kể cả vô tuyến.

Thiếu úy đại đội trưởng lưu ý riêng tôi, nên trở ra tập họp trung đội, điểm danh nắm quân số, luôn tiện ngắm sơ qua mặt mũi anh em, cũng như xem lại cấp số đạn và lương khô cho hai ngày. Theo thói quen, tôi đưa tay chào. Thiếu úy Hào cười nói "Ở đây, khỏi". Tôi chột vấp một bờ ngõ, chui ra khỏi hầm. Đời quân ngũ tại một đơn vị tác chiến thật thoải mái. Sự tương kính không nằm nhiều trong những thủ tục hình thức. Bản lãnh, sự gan dạ và tinh thần trách nhiệm mới là ngọn nguồn chính.

Những người bạn mới của tôi chưa một ai ngả lưng. Chắc họ đang có những tò mò chờ đợi. Trung sĩ Nặc giúp tôi tập hợp anh em trong yên lặng. Trước ba hàng dọc những khuôn mặt dày dạn nắng mưa, đang bị bóng đèn làm sẫm màu thêm, tôi lịch sự bắt tay ba người tiểu đội trưởng, hẳn đã tạo sự ngạc nhiên và một ấn tượng tốt. Ba hạ sĩ quan nắm tiểu đội đều đã thâm niên công vụ với một số tuổi đời gấp nghé bốn mươi. Họ lễ phép và vui vẻ. Họ luôn miệng gọi tôi là “ông thầy” sau này, nhưng chính họ đều là những người anh của tôi về nhiều khía cạnh của cuộc sống.

Người mang máy truyền tin cho trung đội, tên Tám, còn trẻ hơn cả Trung sĩ Nặc. Anh đến trình diện tôi, và dẫn theo một binh sĩ khác, giới thiệu:

- Anh này, là tà lọt của mấy đời Trung đội trưởng trước, tùy Chuẩn úy chọn.

Tôi nhìn Tám lẫn người lính thật hiền lành. Anh không nhìn thẳng tôi. Dĩ nhiên tôi cũng chọn An, tên người binh sĩ, để chăm sóc, giúp đỡ tôi trong những ngày sắp tới. Và ngay từ phút đó, chúng tôi đã trở thành ba người bạn ở sát cạnh nhau, gần như trong mọi hoàn cảnh.

An đã móc võng cho tôi. Anh lấy luôn một số quần dụng cá nhân khác của tôi cho vào ba lô của anh. Tôi hơi áy náy nhưng rồi mọi sự được quen dần. Một chặng đời mới đã thực sự bắt đầu.

Ngả lưng được ít phút trên lòng võng vải nilon, tôi phát hiện trên tay mình vẫn còn nắm tấm bản đồ, đã được lồng trong một bao nilon trong, xếp gọn. Đang loay hoay định nhóm dậy nhét bản đồ vào túi áo giáp, treo ngay đầu võng, tôi chợt thấy một binh sĩ nhẹ nhàng tiến gần tôi, gọi:

- Chuẩn úy.

Tôi nhóm dậy, chưa kịp lên tiếng, anh binh nhì hỏi tiếp:

- Chuẩn úy nhớ em không ? Em là Bưng đây.

Tôi đang phân vân lục trong trí nhớ, Bưng đã kịp thời khai ra manh mối:

- Chắc chuẩn úy quên, em là thợ hồ, làm công cho bác

Diên, hồi xây rạp ciné Kim Châu Đà Nẵng. Chuẩn úy có lần chăm công và ngủ đêm giữ vật liệu tại đó. Tôi nhớ ngay vụ này, nhưng không thể nào nhớ Bưng. Ngày đó, em ba tôi làm thầu khoán. Ông xây dựng nhiều công trình tại Đà Nẵng. Tôi thỉnh thoảng có theo con trai ông, vừa là em chú bác, vừa là bạn, để làm vài việc không có lương, nên anh lính này chắc đã gặp qua. Rạp ciné Kim Châu, nằm trên đường Độc Lập (nay là đường Trần Phú) trong giai đoạn đang xây cất, tôi đã nằm đêm ở đó nhiều lần, gọi là trông chừng. Nhưng cát, sạn, sắt, ciment có hao hụt tôi và Tiên (tên chú em, con chú Diên) cũng chẳng biết, vì chúng tôi, nếu không ngóng cổ ở Thông Tin nghe hát, cũng tà tà ăn mực xay ở bờ sông Hàn...Tuy không nhớ ra Bưng, tôi cũng ậm ừ hỏi:

- Anh ở đây lâu chưa, đi lính lúc nào ?

Bưng mau mắn cho tôi biết anh về đơn vị này đã gần một năm, hiện là kinh binh, giữ súng trung liên bar, một loại vũ khí công kênh, cổ lỗ sĩ, nhưng vẫn còn được xài trong các đơn vị tác chiến bộ binh vào thời điểm sáu mươi bảy. Huyền thuyên một hồi, Bưng tỉnh bơ dặn tôi:

- Ngày mai hành quân, Chuẩn úy cứ theo em. Thấy em chạy, là Chuẩn úy chạy theo liền nghe. Em rành địa thế bên đó lắm...Nhưng chắc không có gì đâu, trời mới lụi mà, hầm hố tụi nó bị ngập hết...



Tôi ngạc nhiên trước những sốt sắng, bộc trực của Trương Bưng, tên họ đầy đủ của người xạ thủ trung-liên-bar, mà tôi chưa kịp thuộc nét mặt. Trong lúc anh khinh binh lom khom trở về chỗ nằm của anh, tôi tự hỏi tại sao anh ấy đã biết nơi sắp đến ? Và không tránh khỏi những suy nghĩ vớ vẩn, về những chuyện sắp xảy ra vào vài giờ nữa. Sẽ phải chạy ? Sao đến nỗi vậy ? Đêm thật vắng, tôi cảm thấy lo. Hơi nền đất lạnh làm tôi rùng mình. Mùa đông đang bước đến. Tôi mặc thêm cái áo giáp vào người. Chợt xót xa nhớ về người cha già đang ở cách mình chừng 80 cây số. Chính ông đã tìm mua và gởi cái áo giáp vào cho tôi kèm theo lá thư căn dặn đủ điều. Tôi mất mẹ năm lên 18, năm tôi phải đến phòng trưng binh quân dịch. Ba tôi, một công chức già, suốt đời lặn lội vì đàn con. Tôi thực sự chưa trưởng thành dưới đôi mắt và tấm lòng của ba tôi. Tôi cũng nghĩ và nhớ đến Lý, người vợ còn đang vui đùa ở trường Trung học. Giả dụ ngày mai tôi gặp điều không may gì, sẽ ra sao. Sợ điềm gở, tôi lẫn trốn ý nghĩ đen tối của mình và nghĩ đến Tùng, Lộc, những người bạn đồng hành với mình vào ngày mai, lòng chợt cảm thấy bình thản.

Cái giờ G đầu tiên trong chặng đời ô liu của tôi trờ tới. Tôi đã rập rình chờ nó cả đêm, nên chộp được ngay khi nghe những rục rịch từ Bộ chỉ huy Đại đội. Tôi rời khỏi võng. Cảm thấy như lưng mình oằn xuống sau mấy giờ cong theo chiều võng. Miệng đắng. An mang đến cho tôi một nón sắt nước lạnh. Búng nước đầu tiên làm ê ẩm chân răng. Tôi nhắm mắt nhỏ toẹt ra đất. Không có nhiều thời giờ nhưng tôi không quên bảo lữ, đây là thói quen của tôi. Mọi động tác vệ sinh cá nhân qua mau lẹ.

Tôi bắt đầu kiểm lại quân số. Theo lý thuyết, mỗi trung đội có 37 binh sĩ, nhưng tham trận hôm nay, chỉ 21 người hiện diện, chia làm 3 tiểu đội, không đồng đều. Giờ này tất cả binh sĩ đều biết mục tiêu đầu tiên sẽ đến. Với thói quen và kinh nghiệm, những người lính chiến hoàn tất mau lẹ những trang bị trên người hơn hẳn đám sinh viên sĩ quan chúng tôi ngày nào. Tất cả đã trong hàng. Tám thử lại máy truyền tin. An mang hết những hàng trang hành quân của tôi. Đại đội 2 của Thiếu úy Hảo hôm nay nằm trong thành phần trừ bị, sẽ di chuyển cuối cùng, ngay sau lưng Bộ chỉ huy tiểu đoàn và đại đội vũ khí nặng.

Tôi lại nghĩ đến Tùng và Lộc. Tuy cùng nằm một tiểu đoàn, cùng tham dự cuộc hành quân này, nhưng từ tối hôm qua đến nay, thằng nào cũng bận rộn riêng nên không gặp nhau. Qua vô tuyến, tôi biết đại đội 3, đơn vị có hai anh bạn tôi, là nỗ lực chính và đã bắt đầu vượt tuyến xuất phát. Gió lạnh vãi rộng ra trong khoảng trời tối. Chúng tôi di chuyển hàng một, sát nhau, không giữ khoảng cách, người đi sau chỉ nhìn thấy lưng người đi trước. Trung sĩ Nặc đang dẫn đầu trung đội. Tôi cùng Tám và An, đi liền nhau, sau lưng hai tiểu đội. Sau chúng tôi còn tiểu đội của hạ sĩ nhất Tý. Tôi chợt có cảm tưởng như đang lặp lại cuộc di hành giả trại của ngày đầu mới vào Thủ Đức. Ngày đó trên vai tôi nặng nề những quân trang quân dụng. Bước chân có chệch choạc nhưng tâm hồn thật thảnh thơi, bình an. Đêm ra quân này khác hẳn, trên người tôi chỉ có trọng lượng một cái áo giáp, được sản xuất từ Hoa Kỳ; khẩu carbin nhẹ hơn khẩu garant nhiều, nhưng rõ ràng tôi thấy nặng hơn ngàn lần. Chưa ai bỏ lên bàn cân cái trách nhiệm. Không có những con số biết khai báo cái vô hình này. Tôi cũng chợt liên tưởng, những bước tôi đang đi trong đoàn quân, với đầu súng nghiêng ra hai bên, chui chúi xuống mặt đất, như là một cuộc đi săn thú rừng ngày nào ở Tiên Phước. Đây cũng là một cuộc săn. Một cuộc săn người. Người cùng màu da và chung một ngôn ngữ, nhưng không cùng một thể chế chính trị. Phía giàu tự do, no ấm, nhân bản còn vụng về trong nỗ lực thu phục quần chúng. Bên phục vụ độc đảng, nghèo đói lại tỏ ra khôn khéo, quỷ quyệt, biết đưa ra sự hiện diện của ngoại bang để làm mục đích chiến tranh.

Chúng tôi đang lội qua một con lạch rộng. Nước lớn đến thất lưng. Nhiều bụi hoa súng nổi lênh bênh. Một viên đạn ai khai hỏa bỗng bay véo ngang đầu. Trời đã mờ mờ sáng. Đơn vị đầu tiên của tiểu đoàn đã chiếm xong mục tiêu. Đúng kế hoạch. Trung đội của tôi được lệnh lục soát, và bố trí nằm lại ngay sau khi lên bờ. Nước ướt đầm cả quần ngoài quần trong, tôi nghe ngửa

nhột dưới ống chân. Đã buộc ống quần cẩn thận nhưng một anh đĩa đã đột kích vào lúc nào, ngã bữa đã no. Tôi lo ngại cho cậu em út phương phi của mình, lần tay kiểm soát.

Nắng lấp ló trên những ngọn lá đọng nước. Tin sơ khởi tôi nghe qua báo cáo của Tám: Đại đội 3 bắt được hai tên du kích với hai giấy T.A.P trên thắt lưng, nhưng không có súng, đạn hay vũ khí gì khác. Thời gian lững thững đi qua. Vòng bố trí ơ hờ, lỏng ra ít nhiều trong bữa ăn sáng ngắn gọn. Ngay lúc mặt trời đứng bóng, đại đội chúng tôi được lệnh di chuyển, với nhiệm vụ bung rộng vòng đai lục soát, thay cho đại đội 3, nằm lại. Và khi tôi đi ngang qua đám con cái của Trung úy Thiện, tôi gặp cả Tùng lẫn Lộc. Tùng hơi nhún vai, hần đang lảng lờ thả ra những vòng khói thuốc Wintons. Lộc vui ra mặt, hần nói trong tiếng cười:

-Tuởng ghê gớm lắm, hóa ra hành quân chỉ là vậy.

Chúng tôi không có thì giờ nói nhiều với nhau. Tiếng lên đạn đầy thị uy ngay trên đoạn đường mòn, tôi sắp phải đi qua, hối bước chân tôi bước mau hơn, sau khi gởi cái vẫy tay đồng tình với nhận xét của Lộc.

Trung úy Thiện đang chống nạng đứng cạnh năm ba thuộc hạ của ông. Tôi thấy một binh sĩ đang kê mũi súng vào trán một người đàn ông trung niên. Ông ta ở trần trụi, hai tay bị trói ngược ra sau, đang nằm co dưới đất. Đại đội 3 đang cố khai thác nguồn tài liệu từ người du kích địa phương. Tôi nghe thật rõ hai chữ “bắn bỏ” của trung úy Thiện và một tiếng đạn chát chúa nổ liền sau đó. Hoảng hốt tôi quay nhìn. Nhưng qua màn khói chưa kịp bay khỏi mặt đất, tôi thấy người du kích vẫn nhúc nhích. Viên đạn của anh lính Quốc Gia chỉ có ý dằn mặt đối phương. Đầu đạn xoáy trên mặt đất một lỗ tròn, làm đau ông địa một chút. Xuống tay lấy mạng sống của một kẻ thù hoàn toàn thất thế, không phải là hành động của đại đa số quân nhân trong quân lực Việt Nam Cộng Hoà, nhất là binh chủng Bộ Binh, tôi tin như vậy. Trong cuộc chiến, nhất là đang khi say máu, nóng mặt vì một đồng đội của mình bị sát hại, người lính, bất cứ phe nào, cũng có thể thực hiện những hành động dã man thiếu ý thức. Cắt tai, xẻo mũi hoặc lấy cả mặt kẻ thù cũng là việc đã từng xảy ra. Nhưng những hành động man rợ nhất, những kiểu hành hạ đối phương biến thái nhất, thường chỉ có trong văn tự của những người được dạy dỗ cắm hờn có bài bản, có hệ thống. Chữ nghĩa của họ trưng bày ra tất cả những gì hung ác nhất đang nằm sâu trong tư tưởng của họ. Những hành động mất tính người do những hư cấu bệnh hoạn này ngoài mục đích bôi bẩn đối phương, còn tự làm thoả mãn những gì chính họ chưa thực hiện được. Tuy vậy, những người hung hãn bằng ngòi bút ấy, vốn chẳng bao giờ thực hiện được những gì mình viết, tính “bổn thiện” nhất định còn đâu đó trong con người nhà văn. Sau này, tôi có đọc nhiều tác phẩm văn chương viết về chiến tranh của các tác giả nằm hai bên chiến tuyến, một đôi khi ngạc nhiên về những cách hành xử đối phương mà họ mô tả. Có thể đời lính chiến của tôi quá ngắn chưa đủ cơ hội để mục kích chẳng? Nhưng tôi vẫn tin những suy nghĩ vớ vẩn trên của tôi không xa với thực tế.

Trong ánh nắng xế chiều, một binh sĩ của trung đội tôi, vui mừng báo tin tìm được một khẩu AK giấu sát mé nước sông. Chiến lợi phẩm này không làm vui ông Đại đội trưởng cũng như ông Tiểu đoàn trưởng, nhưng nó chứng tỏ được: cả vùng Xuân Phổ, nằm giáp một đoạn của sông Trà Khúc hoàn toàn bất an. Thần chết đang rập rình bốn phía. Điều này chỉ lạ đối với tôi. Không có gì ghê gớm với mọi binh sĩ khác. Đại úy Tiểu đoàn trưởng, đang thư giãn tinh thần. Ông lai rai vài lon bia cùng cá hộp. Cuộc hành quân “hoá ra chỉ là vậy” đúng như nhận xét của Chuẩn úy Lộc, bạn tôi. Ông Tiểu đoàn trưởng của tôi, Đại úy Cẩn, quả là người “tri nhân...”

Bữa ăn chiều được bắt đầu sớm ngay trên cái lúp ló của gờ thứ mười sáu trong ngày. Tôi ngồi xĩa răng, nhìn những con chim sáo đen đang tụ về đầu một cây xanh, nghe chừng mình cũng thông dong ra phết. Trong yên lặng, một ý thơ đến với tôi. Tôi tìm những chữ, những vần.

Nhưng các câu thơ đã đi chơi chỗ khác. Tiếc rẻ cái mặt nhám của mẫu giấy bạc trong bao thuốc lá vô duyên, tôi xếp lại, cất vào túi áo. Ý thơ hôm đó mãi sau này tôi mới ghi lại:

*Vào giờ G ta ra mặt trận  
nón sắt bần thần theo gót giày sô  
hiu hắt đường mưa tiến về âm phủ  
vừa cảnh giác đời vừa ủ chiêm bao  
khẩu súng carbin chúí đầu xuống đất  
như muốn nói gì với cánh Rừng Lãng  
đất nhào cỏ chua tổ tiên để lại  
thích uống máu người hay bị ép chẳng ?  
băng lạch nước đen lạnh tê đầu gối  
bỗng khựng giữa dòng tường đĩa bao vây  
Xuân Phổ bên kia chập chờn bóng địch  
lập cập hôn ai bèo vương chân mây ?  
nước lạnh môi khô loé lên đóm nhớ  
màu mắt bên màu hoa súng năm xưa*

(Cảm Ôn Đất Đá Trở Thơ...)

Không làm thơ được, tôi đến ngồi kê bên Trung sĩ Nặc nói chuyện. Chúng tôi kể qua về chuyện gia đình. Tôi biết đại khái về Nặc. Anh còn đủ cha, mẹ. Người yêu thì thuộc loại “người yêu tôi, tôi mới quen... hồi hôm...”. Tôi cũng cho Nặc biết tôi đã có vợ trước khi nhập ngũ. Nặc nói: “Tiếc cho ông quá...”

Buổi chiều nằm dài ra thật mau, mới đó đã sắp đưng cái mắt cá của nó. Khi chúng tôi đứng ló nhỏ trên một vạt sán rộng đã nhỏ, cái chạng vạng đã lên tiếng chào bằng những ngôn ngữ của nhiều loại côn trùng trong đám cỏ lá chung quanh.

Nhận vùng đóng quân từ tiểu đoàn xong, Thiếu úy Hào, đưa tôi và Chuẩn úy Bảy đến chia tuyến bố phòng. Tất cả các binh sĩ đều đứng chờ lệnh trên khoảng đất trống.

Chúng tôi chưa kịp tiến tới bìa vườn, con đất Xuân Phổ đã mở miệng bằng những tiếng nổ đồng loạt khai hỏa. Tôi ngã úp xuống mặt đất. Không phải vì trúng thương mà vì phản xạ tự nhiên. Một giây qua, tôi nghe bên đuôi mắt trái nhói đau. Một góc sán nhỏ còn sót đã chạm mạnh vào đó. Vừa dụi mắt, tôi vừa bò ra bìa vườn. Khẩu carbin được tôi nắm đầu mũi lòi theo, không một chút phù hợp với chiến thuật “bò hoả lực” như đã từng học. Còn chừng bảy, tám thước nữa...Tôi bàng hoàng phát hiện, những ánh lửa lóe lên ngay hướng tôi đang cố bò tới. Tầm đạn bay ngược chiều có một âm giọng khác hẳn đường đạn từ nòng súng bắn ra. Đó là những chuỗi âm thanh sắt lạnh, áp đảo, tưởng chừng như những nhát dâm, xé rừng rợn. Hoảng hốt trước nguồn đạn bay ngun ngút qua đầu, tôi xoay mình bò trở lại vị trí cũ. Lúc này tôi mới để ý, bên tôi có một người đồng hành. Nhìn qua, tôi thấy Chuẩn úy Bảy. Anh vừa bò vừa thỉnh thoảng lấy cái kính cận xuống, dùng một ngón tay lau vội, rồi đeo trở lại. Hoạt cảnh này nếu được thu vào ống kính, có thể lượm được nhiều nụ cười. Trời đã tối hẳn, những ánh lửa đạn càng được phơi bày rực rỡ. Trong hướng bò chưa biết dẫn đến đâu, tôi chợt nghe tiếng gọi “Chuẩn úy, Chuẩn úy..” và chẳng bao lâu, tôi gặp được Trương Bưng, anh binh nhì giữ cây trung liên bar. Bưng nói: “Chuẩn úy bò theo em”. Tôi quay theo, trong lúc Bưng hỏi trống: “Ớn chưa?”. Khi đã nằm bên đám “con cái” chưa biết hết tên, chưa nhớ hết mặt. Tôi lấy lại được bình tĩnh, nhưng vô cùng bần khoản. Tôi không rõ các đại đội khác ra sao, riêng đơn vị Đại đội 2, không một binh sĩ nào có khoảng trống để tác xạ. Họ nằm dính chùm thành một vạt. Khẩu carbin của tôi đã được điều chỉnh đúng tư thế sẵn sàng của một người lính. Tôi cũng đặt ngón tay bóp cò đúng vị trí, nhưng tuyệt nhiên chưa tìm thấy một lối thoát nào. Giữa lúc gần như buông xuôi, chờ đợi ấy, bốn chiếc trực thăng xuất hiện, tham trận.

Những ngọn đèn sáng lóa, quét ngang dọc, chéo chồng lên nhau. Kéo theo những tràng đại liên 60 xoáy, rít, chen trong những chùm nổ chụp dữ dội của M79. Chiến trận xoay đổi tình thế tức khắc. Chúng tôi lập được chiến tuyến hàng ngang, xoay mũi súng ra bìa vườn, nhưng không ai bóp cò. Những đường đạn của chúng tôi đã trở nên không cần thiết.

Địa điểm đóng quân qua đêm vẫn không thay đổi. Tôi chỉ huy khá gọn gàng và nhanh chóng việc bố trí và bố cáo không tổn thất lên đại đội trưởng. Chưa thật yên tâm với vòng đai và các ổ gác, tôi dọm đi xem lại, thì Tám đã giao ống liên hợp cho tôi:

- Có thẩm quyền thăng Ba lớn muốn gặp Chuẩn úy.

Tôi cảm thấy mất thăng bằng qua tin của Trung úy Thiện, Đại đội 3, đại đội vừa hứng ngay mũi phục kích của địch. Túng đi đâu ? Tôi vái thăm cho hấn bị bắt đi hơn là ngã dập đầu đó. Đang bi quan lo lắng băn khoăn, tôi chợt giật mình thấy hai binh sĩ, khiêng một băng ca, từ cánh đại đội 3, qua ngang chỗ nằm của trung đội tôi, để đến bãi đáp trực thăng tải thương. Không hiểu sao hai binh sĩ khiêng băng ca chợt dừng chân. Họ nhìn tôi. Không chần chừ, tôi ào tới, chụp lấy thân thể người đang nằm. Trong khoảnh khắc tất cả những đồng đội của tôi chung quanh chợt biến mất. Cả bóng đêm cũng như không còn có thật. Một giây...hai giây.. tôi, chợt vô cùng tỉnh táo. Một bàn tay tôi luồn dưới lớp vải áo trận, véo rõ mạnh một cái vào thân thể người nằm bất động. Năm đầu ngón tay tôi hừng hực nóng. Không thể như vậy được. Không thể như thế này được, trời ơi !. Tôi hét lên những tiếng kêu tức tối không âm thanh, và ngã gục tức thì lên thi thể còn nóng hổi của Lộc, của Trần Mỹ Lộc. Hấn đã chết, đã chết thật rồi. Tôi sờ soạng tìm vết đạn, nhưng không thấy vết thương nào trên da thịt. Không gặp máu, không gặp hơi lạnh, tôi nâng một bàn tay của Lộc, lắc nhẹ từng ngón tay của người bạn xấu số. Nước mắt tôi lặng lẽ chảy xuống gò má, ẩm ướt hai cánh mũi. Lộc đã chết thật rồi. Anh đã tử trận ngay trong cuộc hành quân đầu đời binh nghiệp của anh. Đêm 10 tháng 11 năm 1967, con đất xa lạ Xuân Phổ tại Quảng Ngãi đã cướp của tôi một người bạn, một người em, một đồng đội.

Tôi bơ phờ ngồi bệt bên ngoài mặt poncho An đã trải sẵn. Tôi không nghĩ, không nhớ gì. Đầu óc cứ xoáy vòng vòng mấy chữ .... “hóa ra hành quân chỉ là như vậy” Giọng nói lạc quan, yêu đời của Lộc không chỉ đọng trong tai tôi, mà lộn cợn trôi lòng vòng qua những đường máu chảy. Không yêu đời sao được, sau cuộc hành quân này, về phố, ghé văn phòng Hàng Không Việt Nam tại Quảng Ngãi, sẽ nhận một xấp hình hôn lễ chụp cùng với Đào. Lộc đã hí hửng khoe trước với tôi như thế. Bác Thuật, ba của Lộc, nhân viên Hàng Không Việt Nam tại Đà Nẵng, không thể hứa cuội với đứa con trai cưng của mình. Nhưng...Lộc đã chết, đã chết, trước khi được ngắm những tấm ảnh của chính anh và người vợ mới cưới chưa quá ba mươi ngày. Anh chưa qua đủ 24 giờ ngoài mặt trận.... “hoá ra hành quân chỉ là như vậy”. Là như vậy là thế nào ? Gần suốt đêm tôi ngồi bên cạnh cái hố tròn do An đào. Cái nón sắt nặng nề bẻ cong cổ tôi, đưa khuôn mặt tê dại chạm vào hai đầu gối. Khẩu carbim nằm trên mặt đất bên cạnh. Không thể tin được. Ngay cuộc hành quân đầu tiên, ba thằng về một tiểu đoàn. Một đứa chết. Một đứa mất tích. Tôi làm sao chịu nổi cái đòn chí tử này. Tôi không hoảng sợ, nhưng chán nản, mệt mỏi. Với tôi, tình bạn rất quan trọng. Tôi có mặt nơi này, tôi về binh chủng này cũng vì tình bạn. Cuộc chia tay thảm thiết quá, não nùng quá. Không một lời từ biệt. Tôi làm sao có thể tiếp tục ở lại đây một mình. Chắc chắn tôi sẽ bỏ đi, sẽ đào ngũ ngay sau khi cuộc hành quân kết thúc. Rất may, gần sáng hôm sau, Tám báo cho tôi biết: Đại đội 3 đã tìm gặp Chuẩn úy Tùng cùng hai binh sĩ khác an toàn, ngay bìa vườn, không xa chỗ đặt ổ súng đại liên của địch bỏ lại. Sự bình an của Tùng quả đã vực tôi đứng lên, tham dự tiếp nhiều cuộc hành quân về sau.

Cuộc hành quân ra mắt đời binh nghiệp ngắn ngủi của tôi, diễn tiến trên phần đất mang tên Xuân Phổ chỉ như vậy. Đó chỉ là một cuộc hành quân lục soát cấp tiểu đoàn, được thực hiện

sau một trận lụt. Tôi không được biết những báo cáo tổng quát lên Trung đoàn, Sư đoàn ra sao. Kết quả cuộc hành quân được đánh giá như thế nào. Nhưng rõ ràng tổn thất nhân mạng của phe chúng tôi so với cộng quân nhẹ hơn rất nhiều. Tôi cũng có phần nghi ngờ khả năng chỉ huy và trình độ chiến thuật của vị Tiểu đoàn trưởng của mình. Để binh sĩ đứng lố nhố trên một mặt bằng trống trải, chờ chia tuyến phòng thủ, không khác chi dâng hiến cho đối phương một mục tiêu tác xạ, nhất là điểm tập trung đó nằm ngay trong vùng địch kiểm soát. Cái chết của Lộc cùng một số binh sĩ khác đã xảy ra vì sự tự tin và xem thường đối thủ. Dù sao cũng là chuyện đã rồi. Sự hy sinh sớm của Trần Mỹ Lộc, bạn tôi, đã giúp những Chuẩn úy mới ra trường chúng tôi thêm ít nhiều kinh nghiệm. Không bị quan nhưng không coi thường bất kỳ một cuộc hành quân lớn nhỏ nào sau này.

Hơn 38 năm trôi qua, tôi vẫn thấy rất rõ trước mắt, diễn tiến cuộc hành quân đầu tiên của mình. Nhớ cả con đường từ doanh trại dã chiến của tiểu đoàn dẫn đến một con lạch, đến một xóm làng hoàn toàn hoang vắng. Cây cỏ cũng không được sống thông dong. Dòng sông Trà Khúc bên làng này khá đẹp. Tôi đã mở giày rửa chân. Cái lạnh đầu mùa đông làm tôi rùng mình hay vì một lẽ nào khác. Giờ phút đó, súng chưa nổ, Lộc chưa ra đi. Chỉ cách mấy giờ sau mà tôi chợt trưởng thành thật sự. Tôi có đúng là tiếp tục trưởng thành đến bây giờ ? Những trận đánh đã kết thúc, nhưng cuộc chiến vẫn còn ẩn hiện trên quê hương tôi đến bao giờ ?

## Phan Ni Tấn ND, câu thơ về Khiếm với Lân

Nếu mỗi ngày được quen biết thêm một người, và trong số mười người quen biết có một người trở thành bạn thân thì thật thú vị. Tôi chưa được như vậy. Nhưng gia tài bằng hữu của tôi càng ngày càng phong phú. Một trong những khuôn mặt tôi được thân thiết sau 1975, tại hải ngoại là một người làm thơ, viết nhạc, thành danh cả hai bộ môn nghệ thuật: anh Phan Ni Tấn. Anh dùng bút danh chính Phan Ni Tấn ND, và ký thêm Nhị Đương trong nhiều bút ký.

Phan Ni Tấn đặt tiếng thơ vào đời sống từ ngày 06 tháng 3 năm 1948 tại Cần Giuộc. Tuổi ấu thơ phơi phới giữa thành phố núi Ban Mê Thuột. Âm thanh của rừng của suối cùng tiếng đàn vĩ cầm sắc ngọt của nghệ sĩ Ba Lô đã trở thành gia vị trong mọi món ăn, nuôi dưỡng Phan Ni Tấn trưởng thành. Người nghệ sĩ chuyên sử dụng *violon* trình tấu những bản cổ nhạc cho đoàn Út Bạch Lan, Thành Được thời ấy, chính là thân phụ của cậu bé họ Phan. Giàu chất bổ dưỡng quý hiếm như vậy, nhưng năm 1960, Phan Ni Tấn đã vội vã xuống núi, khi mới bắt đầu bước vào bậc trung học trường Ban Mê Thuộc được một tháng bốn ngày. Thủ đô Sài Gòn đã cưu mang anh qua hết bậc trung học, vào đại học Văn khoa, vào Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ và cuối cùng trở thành một sĩ quan của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, từ lò Thủ Đức. Chặng đời binh nghiệp của anh kéo dài được năm năm, để có thêm một năm học hiểu sâu sắc về một chế độ. Những ưu việt quang vinh của một đảng lãnh đạo, đã không cảm được chân người yêu chuộng tự do. Phan Ni Tấn đến Thái Lan năm 1979 rồi đến vùng Downsview thuộc thành phố Toronto, tỉnh bang Ontario của Canada lập nghiệp.

Những người yêu thích thiên nhiên, thường ưa đi đây đi đó. Phan Ni Tấn từng bày tỏ cái thú của mình:

... *"Thuở nhỏ tôi vốn đã thích cái hoang dã của đồng ruộng hay vẻ man dại của núi rừng lúc hoàng hôn. Một tiếng chim kêu chiều, một tà sương khói vv... bao giờ cũng làm tôi mất nhiều thì giờ theo dõi, lắng nghe. Lớn lên tôi lại nổi máu giang hồ vật, rày đây mai đó. Mây trời, cỏ cây, chim chóc và những con đường, tất cả là bạn của tôi một thời. Những lần có dịp*

*ra đi, tôi vẫn thường dọn mình để làm kẻ “dạ hành” trong một chuyến xe hàng, hay trên một chuyến tàu đêm. Phải chăng sự sinh ra và lớn lên giữa núi rừng cao nguyên đã ảnh hưởng phần nào (hay sâu đậm) nội tâm tôi cho mãi tới bây giờ...”*

(chuyện Bằng Hữu, tạp chí Sóng, số 61 tháng 6-1987)

Có thể nhờ tâm hồn và cặp chân biết lang thang nên Phan Ni Tấn sớm là một thành viên của phong trào Du Ca Việt Nam. Đi nhiều thường có cơ hội yêu nhiều. Phan Ni Tấn cũng vậy. Nhưng tình cảm của anh không san sẻ đồng đều. Anh dành nhiều cho thiên nhiên, cho cuộc sống ngay trong thời kỳ nên biết tưởng nhớ mùi hương con gái. Chính Tấn đã thú thật trong một tự sự mở vào tuyển tập Tình Khúc Phan Ni Tấn (xuất bản năm 2004):

*“Viết nhạc khi bước vào ngưỡng cửa Đại học Khoa học Sài Gòn năm 1969. Qua năm thứ hai rớt, nhập ngũ trường Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức khóa 1/1971. Ra trường sống sót trong chiến tranh cho đến ngày mất nước. Thời đó nhìn ra chung quanh vòng tay vẫn trống vắng “người con gái Việt Nam Da Vàng”. Chỉ mang bầu nhiệt huyết của một anh sinh viên đại học, sau này là lính mà viết ra những loại nhạc đấu tranh trên dưới 100 bài. Đó là lý do tại sao ngày nay tôi không có nhiều thể loại tình ca đôi lứa...”*

Phan Ni Tấn không cần phải thanh minh: *“Tuy nhiên nói như vậy không có nghĩa hồn mình là sỏi đá”*. Bởi sáng tác những ca khúc có nội dung về chiến cuộc, về quê hương, thân phận con người... đã là người có tâm hồn giàu rung cảm, biết khóc, biết cười trước mỗi tình huống của cuộc đời. Tình yêu nam nữ có thể là tình tốt đẹp, cần thiết nhất của một đời người, nhưng cái thứ tình tuyệt vời này thường không thể phát triển trước những loại cảm tình khác. Phan Ni Tấn đã biết chờ để được lãnh thưởng vào ngày 10 tháng 5 năm 1986 tại thành phố Toronto. Ngày ấy là ngày mỹ nữ Châu Khả Khiêm, với hai dòng máu Hoa Việt trở thành người chăm sóc suốt đời cho nhà thơ kiêm nhạc sĩ Phan Ni Tấn ND. Hình đám cưới, phóng lớn treo tại phòng khách căn nhà đã mua đứt, trên đường Shoreham Dr Downsview, tôi thấy có các nhà thơ, văn Bắc Phong, Cung Vũ, Nguyễn Ngọc Ngạn... Dĩ nhiên chưa thể có bản mặt tôi vì lúc bấy giờ tôi mới chỉ là một độc giả của anh.

Phan Ni Tấn sáng tác nhiều, thơ anh đăng trên hầu hết các tạp chí văn học tại hải ngoại. Tôi gặp tên anh ở Văn Học Nghệ Thuật, Văn Học, Văn, Làng Văn, Sóng, Độc Lập, Hợp Lưu, Hồn Việt... ở Pháp, ở Úc, ở Canada, ở Mỹ... nơi nào cũng có tên Phan Ni Tấn, không thơ, thì nhạc. Cái tên Phan Ni Tấn ND cứ vậy lừng lừng đi vào trí nhớ tôi, tâm hồn tôi, cho đến một hôm, anh bạn tài hoa ấy, bấm chuông cái ổ chuột tôi thuê trên đường Bourret thành phố Montréal. Ngày hôm ấy là ngày 18 tháng 4 năm 1987, tôi được gặp một nghệ sĩ ốm yếu, thấp nhỏ hơn cả tôi. Hầu hết những người khách, người bạn, có lòng ghé thăm tôi đều được hưởng chung một chế độ đón tiếp dưới cả sự đơn giản. Nếu không có chị Lý của tôi ở nhà, thì không chừng thiếu cả nước uống. Thuốc lá, bia rượu hẳn nhiên không có. Nhưng tôi là người tuyệt vời hiếu khách, biết lắng nghe, ghi nhận hơn là biết nói. Tấm lòng tôi mở ra trong im lặng từ tốn và rất mực trang trọng. Tôi từng có ý định lập một cuốn “sổ vàng” xin chữ ký những người ghé thăm, nhưng thấy ký ký làm sao nên không thực hiện được, rất tiếc.

Lần đầu tiếp đón người bạn mới Phan Ni Tấn, tôi vẫn thiếu trà ấm, bánh ngọt dù có hẹn trước. Nhớ về cuộc hội ngộ này, Phan Ni Tấn viết:

*“...Nhớ lần đầu tiên từ Toronto đi Montréal, tôi đã tới thẳng nhà Luân Hoán sau khi đã hẹn với anh. Tới nay tôi vẫn còn hình dung được buổi sơ ngộ này. Từ phòng ngủ chậm rãi bước ra là một dáng người gầy nhom, quả đúng như anh tự vẽ: “ôm nhom như con cò ma / phát*

phơ giữa cõi thi ca tối ngày” . *Tuy anh không mang vóc dáng như tôi mường tượng, song dung nhan không đến nỗi: “râu lởm chòm tóc rể tre lộn xộn”...Một con người khắc khổ khô héo đã mang tên tuổi mình đi vào thế giới thi ca bằng một di sản thơ khá đồ sộ. Vậy mà anh vẫn tỏ ra khiêm tốn, nói năng điềm đạm...”* (Chân Dung Thơ Luân Hoán, trang 206). Cảm ơn Phan Ni Tấn đã ngợi khen. Sự giao tình giữa hai chúng tôi thật ra đã khởi sự qua thư từ, sau khi Tấn tìm thấy hứng để phổ nhạc bài Quả Mít Vườn Mẹ. Cũng như nhiều người, tôi yêu thích âm nhạc, được quen biết với một số nhạc sĩ, nhưng đi sâu vào vấn đề sáng tác của bộ môn này thì tôi mù tịt. Phan Ni Tấn tiết lộ công việc phổ nhạc của anh như sau:

*“...Tôi đã từng phổ nhạc từ thơ của nhiều tác giả trong nước trước 1975 cũng như ngoài nước sau này. Nhưng riêng trường hợp Luân Hoán, tôi phải đợi tới 14 năm sau mới có dịp phổ biến nhạc của tôi qua những dòng thơ chuyển hướng của anh. Và đương nhiên, bản nhạc đầu tiên tôi phổ thơ Luân Hoán là bản Quả Mít Vườn Mẹ, cùng tên với bài thơ. Nguyên bài gồm 20 câu, khi phổ nhạc tôi chia làm hai phần dựa theo hơi thơ, giọng kể và tiết điệu của bài thơ. Dĩ nhiên tôi phải thận trọng việc sáng tác sao cho sự trầm bổng của ca khúc được hài hòa và chân phương cần thiết. Mặc dù ngày nay phần lớn những ca khúc tân thời đã phá luật chân phương, cổ điển này...”*

Phổ xong bài thơ, Phan Ni Tấn thu vào băng gởi cho tôi kèm theo mấy dòng:

Bốn ngày sau, ngày 15 tháng 8 năm 1986. Tôi nhận thêm một lá thư của Tấn, nội dung:

*“Kính gởi Anh Luân Hoán,*

*Hôm qua nhận được tờ Văn Học, cảm bài Khiêng Nước nên hát thành bài gởi anh.*

*Cuốn băng có hai bài của anh do Nguyễn Hữu Nghĩa và tôi hát (tài tử) và hai bài thơ của Cung Vũ (tức Nghĩa) và Bắc Phong, sẵn thu luôn cho anh nghe cho vui.*

*Cũng trong tờ Văn Học đọc mới biết anh sắp ra một tập thơ (!) Vậy nếu anh hài lòng thì kèm theo một trong hai bản nhạc phổ thơ anh trong tập thơ. Nhạc thơ nuôi dưỡng nhau đọc ra rồi hát lên nghe cũng cảm động lắm vậy.*

*Cuối thư, chúc anh vui nhiều. Thăm chị và các cháu.*

*Tình thân, Phan Ni Tấn”.*

Bài thơ Quả Mít Vườn Mẹ thật ra không có chữ “hái” hay chữ “hái” gì đứng phía trước. Không hiểu sao tạp chí Nhân Văn nhầm lẫn. Nhưng chả sao. Bài thơ có tính cách thời sự nên không thể có tuổi thọ cao. Trái lại bài Khiêng Nước, tôi viết bằng chất liệu thật với cả tấm lòng tha thiết nên gây được sự xúc động lâu dài. Phan Ni Tấn phổ nhạc bài này rất thành công. Giọng anh hát cũng rất truyền cảm, tôi rất thích. Bài thơ phổ nhạc từ đó thường được Phan Ni Tấn hát một mình hoặc hát cùng nhà thơ Bắc Phong trong rất nhiều dịp sinh hoạt. Hát nhiều đến nỗi có bạn đùa: *“Khiêng nước mãi không mỏi hay sao?”*. Ca khúc này, theo Phan Ni Tấn cho biết lẽ ra ca sĩ Phi Nhung đã phổ biến trong video Thúy Nga Paris, với hoạt cảnh nghiêm chỉnh, nhưng đến phút chót, có một đề nghị thay đổi nhỏ, Phan Ni Tấn không đồng ý, nên được xếp lại. Các bạn có thể nghe ca khúc này tại trang nhà luanhoan hoặc trong CD tuyển tập ca khúc Phan Ni Tấn, có tên Sinh Nhật Cây Đàn qua giọng ca Ngọc Huy.

Nói về chuyện âm nhạc, không thể quên nhắc, Phan Ni Tấn là một nhạc sĩ, sinh hoạt tích cực trong giai đoạn đầu của phong trào Hừng Ca Việt Nam tại hải ngoại, Anh giữ vai Phó Chủ tịch Nội vụ, bên cạnh Chủ tịch phong trào, nhà văn Hà Thúc Sinh. Phan Ni Tấn đã cùng các bạn Khúc Lan, Nguyệt Ánh, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Hữu Nghĩa...đi và hát rất nhiều nơi trên thế giới . Tài năng và tâm huyết của những ca nhạc sĩ này sẽ được ghi nhận mãi trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt, dù xa xứ hay không, sau này.

Phan Ni Tấn đã có lòng thăm ỏ chuột của tôi. Hẳn nhiên tôi vẫn nuôi hy vọng có dịp thăm Phan gia trang của anh, nhất là ngắm mặt quý tử nam nhi của Tấn Khiêm, đã ra đời ngày 01 tháng 01 năm 1989, cùng tháng sinh nhật với tôi, nhưng chỉ sau 48 năm. Dịp đó được thực hiện năm 1991, khi cháu Phan Châu Lâm được 2 tuổi. Chuyến đi thăm bạn, cũng là lần đi thăm thành phố Toronto đầu tiên của tôi. Nhưng không phải mất tiền xe tàu, tiền ăn ngủ. Phương tiện di chuyển là chiếc Chevrolet hai cửa của nhà văn Nguyễn Đông Ngạc. Khách hàng của Ngạc gồm chị Nguyễn Ngọc, vợ chồng tôi và nhiếp ảnh gia Lê Quang Xuân. Lý do phụ của chuyến đi: tham dự đại hội Văn Bút Hải Ngoại để bình bầu ban chấp hành mới. Tổ chức Văn Bút vào những năm này còn khá nghiêm chỉnh. Đại hội Văn Bút do đó còn thu hút được một số những người có lòng với chữ nghĩa tham dự.

Ông tài xế Ngạc không vội vã, tôi cũng không mấy mặn mà với chuyện hội họp, nên chúng tôi tà tà. Thêm vào đó sự cù rũ của ống kính Lê Quang Xuân, chúng tôi dừng lại nhiều nơi trên đường, ghé lại nhiều điểm rục rờ lá phong mùa thu để chụp hình. Đến nơi không trễ lắm, cuộc họp chỉ mới sắp sửa kết thúc. Tôi còn kịp gặp nhà văn Nguyễn Văn Sâm, nhà báo Ngô Vương Toại, nhà báo Nguyễn Tăng Chương, nhà thơ Viên Linh, nhà thơ Vi Khuê... và một vài bạn văn đã quen tên, có liên lạc qua thư từ.

Đảm nhiệm Văn Bút thay ê kíp Nguyễn Ngọc Ngạn cho nhiệm kỳ 91-93 là Trang Châu, Trương Anh Thụy, Viên Linh, Võ Kỳ Điền, Lâm Công Quận...Một bữa ăn không biết ai đãi, được tổ chức tại nhà hàng Việt Nam của ông Nguyễn Văn Tiết, cựu dân biểu Việt Nam Cộng Hòa. Chúng tôi có hân hạnh đến dùng bữa. Đây là lần đầu tiên tôi thấy nạng thơ của bạn Cung Vũ, chị Nguyễn Hương, và “người đi bên cạnh cuộc đời” của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn. Cả hai kiểu đều còn tươi mát, hiện thực lắm.

Ngày hôm sau, chúng tôi tham quan phố Tàu Toronto. Tôi phải thành thật giật mình và thán phục người bạn Trung Hoa. Ở phần đất nào trên thế giới họ cũng mau chóng đi từ tiểu thương lên đại thương và có thể là gian thương một cách ngoạn mục. Phố Tàu Toronto lớn gấp mười phố Tàu Montréal. Nhiều người cho rằng phố Tàu Montréal bé nhỏ không phải vì sự yếu kém của quý ngài *Các Chú* tại đây, mà vì sự kềm chân phát triển của nhà cầm quyền thành phố. Hư thực ra sao không rõ.

Đạo phố Tàu Toronto nhớ Chợ Lớn vô cùng. Đây có thể là một gợi hứng cho một bài thơ, nhưng chưa thấy ai khai thác. Thật tiếc cho những nhà thơ có dịp “*nhìn tổ quốc từ xa*”. Có cần phác thảo vài nét về phố Tàu Toronto không ? Tôi nghĩ, không cần thiết lắm. Chuyện buôn bán, cách chào hàng, vị trí, sắp xếp, bài trí vân vân và vân vân của người Tàu đầu đầu cũng na ná như nhau. Một đồng dạng phát triển rất hay, rất hữu hiệu. Dồi dào hàng hóa, lỏe loẹt, lộn xộn thêm một chút nhem nhuốc, cùng với nhiệt tình, nhã nhặn, chịu khách, tinh táo...rõ là một phố Tàu.

Tối hôm đó chúng tôi được người bạn thơ Phan Ni Tấn lo phần ăn ngủ. Ông bạn thơ của tôi lúc này, mới được chị Châu Khả Khiêm vỗ béo, chưa phát tướng lắm. Có một điều rất đáng ghi nhận: những bạn văn thơ của tôi, người nào có hiện thân người gốc Hoa, đều rất chỉnh tề trên đường kính tế, như Thái Tú Hạp, Phan Xuân Sinh, Nguyễn Đức Bạt Ngàn...Nhạc sĩ



Phan Ni Tấn cũng không ngoại lệ. Và chúng tôi, những người ham chơi có nhiều dịp thù tạc với anh tới chỉ mà khỏi lo ngại những chuyện bên lề. Lòng hiếu khách của ông bà Phan Kiêm vẫn tràn đầy đến bây giờ. Riêng đêm đó, trong cuộc rượu của Phan gia trang, tôi được gặp hai bằng hữu mới toanh:

Thuy Khanh, nhà thơ, cựu tiếp viên hàng không Việt Nam, cư ngụ tại Pháp. Môi còn thắm, mắt còn tình. Tôi đứng chụp chung một tấm hình, không hiểu sao cứ thấy run. Cơn run kéo dài trong những thư từ qua lại thăm hỏi về sau.

Nguyễn Tấn Hưng, nhà văn, chuyên trị chữ “Một” đi đầu những tác phẩm. Bạn tự xưng là ông trùm. Nhưng nhìn ra chỉ là một nghệ sĩ. Không rõ cảm cúm ra sao, đêm đó, Hưng vừa biểu diễn những ca khúc của mình, vừa...rót nước mũi.

Tổng kết chuyến đi, tôi thu hoạch khả quan thấy rõ, dù không biết nội dung cuộc Đại hội Văn bút có những gì. Sau nghe nói có thuyết trình, có ngâm thơ, có cả giáo sư Lê Hữu Mục (đến từ Montréal) làm nhạc trưởng và cùng hát một ca khúc gì đó. Tôi thấy tiếc và giận mình. Lẽ ra tôi đã có cơ hội lên sân nói, ngâm chơi mấy bài thơ, cho bỏ những năm ngậm miệng. Hú hồn cho quý quan khách, thính giả !

Sau năm ghé thăm gia đình Phan Ni Tấn lần đầu tiên, tôi thật sự chưa biết rõ mặt thành phố Toronto. Một thành phố lớn nhất nước Canada và chỉ xếp liền sau lưng thủ đô thế giới, thành phố New York của Hoa Kỳ. Thiếu sót của tôi là động cơ chính cho những lần tôi ghé Toronto sau này, dù mục đích thăm viếng có đi kèm theo một lý do đặc biệt nào đó. Đến một thành phố không cư ngụ thường trực là một lý thú, riêng tôi, không bao giờ nhầm chán. Tôi đã mang cả gia đình đến quấy rầy Phan gia trang nhiều lần. Tình cảm giữa chị Khiêm và Lý, vợ tôi, rất tốt đẹp. Lòng hiếu khách thật sự của một người có lẽ bao giờ cũng được thể hiện đồng đều không phân biệt. Những bạn đến thăm nhà Phan Ni Tấn chắc chắn ai cũng là thượng khách cả. Chúng tôi đương nhiên được hưởng qui chế đón tiếp nồng hậu một cách bình thường, tự nhiên của cặp vợ chồng, chăm lo nấu nướng, làm bánh, bỏ mồi si khắp nơi trong thành phố, bành trướng đến cả Montréal, Windsor...

Tài nấu nướng của chị Khiêm có thể đã cao thêm tay nghề, nhờ sự xuất hiện bất ngờ của bằng hữu, một phần đấy nhé. Riêng đại gia đình chúng tôi ngoài chuyện được ăn những món ngon, lạ miệng, ông bà chủ nhân còn chiêu đãi trong các nhà hàng được đa số thực khách tán thưởng. Ăn rồi dạo chơi là điều đương nhiên. Tòa lâu đài Casa Loma, đường bờ hồ Lake Shore, tháp CN Tower... chúng tôi lần lượt viếng thăm qua sự dẫn dắt và diễn giảng rất tận tình của hai bạn Tấn Khiêm. Bách, con trai út tôi, rất khoái khi vào Exhibition (Canadian National Exhibition). Trong vườn mỹ thuật này trưng bày rất nhiều tượng điêu khắc. Chúng tôi cũng được hướng dẫn đến tận thác Niagara. Tại giải thác nổi tiếng này, những lần sau, với nhạc phụ, với Bình Chính, Bích Dũng, Vincent, Lyna, William, chúng tôi mang về tận Montréal những chiếc áo mưa màu vàng sau khi xuống cận kề ngọn thác, những chiếc áo mưa màu xanh sau khi theo con tàu lướt trên dòng nước. Bãi cỏ, công viên, tượng đá, cửa hàng, rạp chiếu phim, căn nhà ma, những trò chơi...đều bị chúng tôi khuôn về hết bằng phim ảnh. Cuộc đời lưu lạc, hình như đã đến lúc hết những giờ phiêu muộn, nhường phần ưu tiên cho những thông thả vui vẻ.

Gia đình chúng tôi đến thăm Tấn được săn sóc nồng nhiệt như vậy. Nhưng sau này nhiều lần anh chị ghé lên tôi, vẫn phải chịu những bực mình. Tôi nhớ hôm Tấn Khiêm lên dự hôn lễ của con gái thứ của tôi. Cẩn thận tôi gọi vợ chồng cô trưởng nữ đến ngủ tạm nhà bố mẹ, để nhường cái áp cho gia đình Tấn Khiêm có một đêm thoải mái. Không ngờ cái ổ khóa thuộc loại hơi có chút tối tân, các cháu không chỉ dẫn. Tấn cũng không biết mã số mở tự

động. Hai vợ chồng cùng cậu con phải ngả lưng tạm trong lòng xe Sprinter Cargo Van của Tấn. Một lần khác, khi gia đình tôi đã có nhà mới, Tấn cùng Bắc Phong lên dự đám cưới con gái anh Song Thao. Tôi đã dành cho Tấn phòng ngủ của tôi, khá rộng và tiện nghi. Nhưng Tấn vẫn thức trắng đêm. Hóa ra anh không chịu được mùi thuốc lá từ phòng con trai út tôi, cách xa trên 3 mét, xuyên qua hai cánh cửa phòng để phá anh. Thật đáng tiếc. Những lần ghé lên thăm như vậy, Tấn Khiếm thường mang cho tôi quà. Nhiều nhất là các loại bánh ngọt do chính tay chị làm ra. Có một lần anh chị cho một bộ chén trà rất xinh, tôi quý lắm. Nhưng một hôm “*pha trà vào bình bạn cho/ vụng tay, vôi sứ, buồn xo mấy ngày/ thương bình yếu mệnh, loay hoay/ nấn vôi, tưởng vết đứt tay bạn hiền*” (Mời Em Lên Ngựa).

Năm 1988, Phan Ni Tấn cho xuất bản tập Hồi Ký Thơ. Tập thơ dày 128 trang, giấy tốt. Bìa là một bản vẽ của họa sĩ Võ Đình, được trình bày tổng quát bởi Dương Thượng Ngã, một bút hiệu khác của ông chủ tạp chí Làng Văn Nguyễn Hữu Nghĩa. Tập thơ có lời đề bạt của nhà thơ Đỗ Quý Toàn, gọn nhẹ nhưng bao quát:

... “*Khi viết về quê hương, Phan Ni Tấn có giọng trầm buồn. Nhưng không tuyệt vọng. Mà vẫn thiết tha. Rất nhiều khi dí dỏm.*”

*Một nhà thơ đương thời ở Montréal, Michel Garneau mới nói: La seule chose que je peux rêver de faire pour le Québec, c'est d'être un bon poète". Điều tôi mơ ước làm được cho quê hương tôi, là làm một thi sĩ, làm thơ cho hay. Phan Ni Tấn cũng đang thực hiện những ước mơ của chàng cho quê hương...".*

Diễm trang cho nhan sắc tập thơ là bàn tay giàu hoa tay Nguyễn Nhật Tân, cùng bức chân dung được bấm máy bởi danh tài nhiếp ảnh Trần Cao Lĩnh. Nhưng hãy còn thiếu sót so với dự định của tác giả. Tấn viết cho tôi mấy dòng gửi kèm tập thơ:

... “*Gửi anh tập thơ đọc chơi. Tưởng có bản nhạc Hà Thúc Sinh phổ kèm theo, cuối cùng lại không. Mất vui. Mất lòng. Đôi khi người ta không “ái” nhau làm anh lảng giềng ở giữa bị kẹt... Tháng 9/88”.*

Tôi vừa buồn cho Tấn, vừa không vui vì bè bạn. Trong sinh hoạt chữ nghĩa, tôi may mắn được quen biết người này một chút, người kia một chút. Bè bạn thường đến với nhau bằng cái tâm. Một tin bất hòa như là một mất mát, một lỏng lẻo, bản khoản đến mấy ngày.

Trở lại với Hồi Ký Thơ. Đúng như tên gọi của nó. Cuốn sách có nội dung rất là hồi ký. Một hồi ký không chỉ ghi riêng về những chặng đời của tác giả, mà còn phản ánh trung trực cho cả một thế hệ thanh xuân của những thập niên 60, 70. Quê hương, cuộc chiến cùng thân phận con người nhục thể được thả nổi trong ngôn từ. Phan Ni Tấn viết rất linh hoạt trong từng giai đoạn. Ở vào tuổi thanh niên, bạn nào không từng trải qua những ngày tháng ở quân trường:

*“Hôm nay lễ gắn Alpha/ diện đồ tiểu lễ mình ra xếp hàng/ Vũ Đình Trường nắng chang chang/ mà sao mình vẫn thấy man mát trời” (Lễ gắn Alpha)*

*“Ra trường mày đi lính gì ?/- nhất định là lính rắn ri! còn mày ?/ - tao thì quân cảnh, tối ngày/ tìm ba thằng lính như mày, nhốt chơi” (Tâm Sự Lính).*

Rời lò luyện thép, những bênh bồng này đâu dễ quên:

*“Chờ bắc ở bến Ninh Kiều / Gió về thổi ướt cả chiều dưới sông / ta như bèo nước bênh  
bồng/ mấy năm đi biệt mà không về nhà / những thằng sống sót trận qua/ chiều nay đợi  
chuyến bắc ra chiến trường”. (Bắc Cần Thơ)*

*“Xe lên tới đỉnh Mộ Già/ trên cao trời đất bao la vô cùng/ ngọc hồn ta giữa muôn trùng / lũng  
sương mây đọng trắng vùng sơn lâm/ dưới sâu cây đứng nghìn năm/ chim trên đèo thẳm  
âm âm bóng chiều/ theo xe ta xuống thôn nghèo/ hồn còn vắt vẻo giữa đèo hoang vu” (Qua  
Đèo Mộ Già)*

*“Giọt máu trên cọng cỏ mềm/ của ai không biết nằm im như tờ/ đặng xa sau lớp bụi mờ/  
mới nhìn tôi tưởng con cò thí thân” (Quáng Gà).*

Phản thường cho những nỗ lực phụng sự tổ quốc, dù lạc quan vẫn phải chấp nhận những hình ảnh bi quan:

*“khắc trên mộ chí tiêu điều/ tên anh tôi đó đã nhiều xót xa/ trời làm gió nổi mưa sa/ nghìn  
sau lau lách xuyên qua mộ người” (Lập Bia)*

*“Anh tôi chết trận Lệ Trung/ mùa hè đổ lửa nổ tung chiến trường/ tôi chơi thân tử buông  
tuồng/ nghe tin anh chết có buồn gì đâu” (Tên Ngôi Làng Nhỏ)*

*“Anh đi lành lặn thịt xương/ ra chốn sa trường năm ấy mùa khô/ đánh giặc cho tới mùa mưa/  
anh về trong bộ xương khô khóc buồn” (Nỗi Buồn)*

Và rồi một kết quả bất ngờ, cũng chẳng dễ gì phai nhòa trong ký ức:

*“Trên đồng cạn/ dưới đồng sâu/ bọ tù hi hục thay trâu kéo cày/ mưa nhè nhẹ/ mưa bay  
bay/ thân tù, thân tội kéo cày thay trâu” (Bọ Trâu Người)*

*“Lạc lè lên dốc xuống đồi/ đoàn tù gánh củi dưới trời mưa bay/ về ngang qua nghĩa trang  
này/ mò con Hai chết mấy ngày còn tươi/ tác yêu tác quái một thời/ đổi đời/ cải tạo làm  
người hoàn lương/ vì không quen gánh đoạn trường/ vượt ngục / bị bắn giữa đường oan  
khiên/ thôi em/ sống chỉ thêm phiền/ chết là lối thoát về miền tự do/ ngủ đi, ngủ nhé, vào  
mơ..”.(Nữ Tù LTH)*

Dĩ nhiên trường “cải tạo” cũng phải có ngày đóng cửa. Những ngày tháng tiếp theo, tùy nghi hoàn cảnh để có những hướng tiến thân mới:

*“Vùng kinh tế mới xa ca/ có bầy muỗi độc bay ra bay vào/ lam sơn chướng khí ào ào/ đón  
người mạnh giỏi đi vào ốm đau” (Vùng Kinh Tế Mới Đồng Tâm)*

*“Đến lúc hết thuốc chữa rồi/ thì đành bấm bụng theo người vượt biên/ đêm ngày lặn lội như  
điên/ tay chân tôi chạm tới miền tự do” (Vượt Biển).*

Dĩ nhiên tập thơ không chỉ viết với thể lục bát. Bảy chữ, tám chữ, ngũ ngôn đều có đủ, nhưng tôi chỉ lược ra những diễm của lục bát Phan Ni Tấn. Đây là thể loại anh dùng nhiều nhất ở tập thơ này.

Năm 1996, cơ sở tạp chí Nhân Văn cho phát hành tập thơ thứ hai của Phan Ni Tấn. Với 126 trang giấy màu mỡ gà, Phan Ni Tấn gửi đến bạn đọc những bài thơ được mang một tên chung: “Câu Thơ Về Người”. Lần in thơ này, Phan Ni Tấn giao cho tôi một trách nhiệm có

thể nói là hơi quá sức. Nhưng trân trọng tình bạn, tôi đã cố gắng hết sức để ba hoa thành một bản chữ “Trái Hoa” cho những bước thơ của Tấn:

“ Có người không làm thơ không biết phải làm gì. Chẳng lẽ chỉ rong chơi để lấp hết khúc đời còn lại, để chừng còn kéo dài đến vài thập niên. Làm thơ như vậy kể như một cúu rồi. Nhưng cũng có người bận bịu công việc. Lúc ở sở, lúc ở nhà, lúc thù tiếp bạn rượu, lúc ca hát, lúc đưa vợ con dạo phố phường, lúc... lúc... Lu bù như thế mà vẫn làm thơ liên tu bất tận, quả là một tay cự phách trong làng chơi thơ. Không biết thơ, những thơ ở từ đâu ra? Ở trong cái đầu? Ở trong cái bụng? Hay ở trong những cái lỗ chân lông? Có lẽ trên khắp phần thân thể của con người thì sĩ thứ thiệt, chỗ nào cũng có thơ. Có người chỉ cần véo nhẹ vào một chỗ nào đó trên da thịt cũng đủ bung ra hương rượu, ví như anh chàng Phạm Nhuận (*em bữa nọ véo đũa chơi một cái, rượu bung da thơm ngát chỗ đang nằm – Luân Hoán*) thì cũng có người, chỉ cần mon men tiếp giáp với vùng hơi thở của mình đã nghe thơm ngát hương thơ. Người đó đâu phải ai xa lạ. Đó chính là cha đẻ tập Hồi Ký Thơ dạo nào. Và cũng là người đang gởi cho chúng ta những Câu Thơ Về Người hôm nay.

Phan Ni Tấn, nhà thơ hiền hậu ấy vẫn luôn luôn viết cạnh quý danh của anh chữ N.D. bí mật. Nhiều bạn văn cho rằng đó là tên gọi của một người tình lỡ của “chàng”. Có thể là Ngọc Dung? Như Diệu? Nhã Duyên? Cũng có bạn tinh nghịch cho rằng hai chữ đó, nhà thơ gói ghém cái biệt tính của mình như “nhảy dù”, “ngủ dai”, hoặc tục hơn chút đỉnh, không chừng. Riêng tôi, mãi đến nay, N.D. vẫn chỉ một mình Phan Ni Tấn hiểu. Người đẹp Châu Khả Khiêm và cậu bé Phan Châu Lân chưa chắc đã được tiết lộ. Thôi, chúng ta cũng tạm nên cho đó là một khối kỷ niệm, có vui, có buồn của một nhà thơ giàu trôi nổi, của một nhạc sĩ có những sáng tác sắc sảo, vững vàng.

Tạm gác cái gia tài âm nhạc của Phan Ni Tấn, để vào thăm cái sản nghiệp thơ của anh, ta bắt gặp ngay một trái tim thiết tha với đời. Thơ, từ đó đã trở ra từng ngọn, từng cụm, từng chùm, từng núi. Mà kỳ lạ thay khi thông dong thường ngoạn, những định hình ngọn, chùm, núi... của ngôn ngữ chỉ thuần nhất là một cõi hương. Có nên phân chất một mùi hương, nhất là hương thơ?

Phan Ni Tấn N.D. làm thơ dễ dàng nhưng không dễ dãi như tôi – hơn tôi một điểm. Phan Ni Tấn N.D. là một người cởi mở, luôn luôn hòa mình với đám đông – hơn tôi một điểm nữa. Giới thiệu một nhà thơ có nhiều ưu điểm hơn mình như thế, quả tôi có chút lọng cọng. Khi Phan Ni Tấn N.D. từ Toronto gọi đề nghị tôi phải viết một cái gì đó cho Câu Thơ Về Người, tôi cảm thấy ngại ngùng. Nhưng cái ám áp của những ngọn khói trà mỗi lần có dịp ghé Phan gia trang như vẫn đầy trong lòng. Và cái âm giọng “dzậy xao” thật đặc biệt vẫn vang mãi bên tai, khi chợt nhớ về người bạn thơ, từng để cửa chờ mình mà chỉ thấy trắng lên bên “*oan hồn chai rượu trắng*”. Biết không thể làm phật lòng bạn vàng, tôi gọn nhẹ: “Được thôi”. Nhưng khi Tấn hỏi: “Anh viết tựa hay viết bạt?”, tôi bần khoản. Tựa làm sao? Mà bạt ra sao? Công việc hiển hách này phải từ cái thơm tay, quen tay của các anh Mai Thảo, Nguyên Sa, Đỗ Quý Toàn, Võ Phiến thì mới phải. Tôi nói: “Tấn cứ gởi bản thảo lên, mình sẽ có quyết định sau.” Và liền sau câu nói này tôi đã thầm biết mình sẽ phải ba hoa trong một số chữ nghĩa mang tên là tựa. Phần việc trái hoa này có phần đơn giản, hợp với cái tính lười của mình. Tôi nghĩ thế và cố tình quên đi đã từng nghe đâu đó: “*Cái tựa của một quyển sách rất quan trọng.*”

Theo tôi, cho dầu có quan trọng đến cỡ nào đi nữa, chắc chắn nó cũng không thể qua mặt được cái nội dung thực tế của một tác phẩm. Cái nội dung hồng hào da thịt của Phan Ni Tấn N.D. từng tràn trở cưu mang đang ở liền ngay sau bài viết vớ vẩn này.

Xin thân ái mời quý bạn vào thăm: miếng lòng, miếng tình, miếng thơ của một người đã vẽ được chân dung mình một cách trung trực:

*Khi thiệt thơ người, thơ quần, thơ áo  
sẽ ngoe nguẩy ra ngoài nắng trong veo  
ngắt một cành bông ngời nhai trệu trạo  
rồi hóa thành chim xoe cánh bay vào*

...

*hay làm mưa bay nghiêng qua sợi tóc  
của những cô em còn rất Việt Nam  
đấu giấy tùy thân còn rõ ràng ngoại quốc  
mà núi sông nào vẫn giấu trong tâm*

...

*nói đừng cười nha em đài em các  
hết nửa đời anh ở núi ở rừng  
nên anh quê mùa tính anh chất phác  
nói tới yêu đương thì lại nhát gừng*

..

*bây giờ qua đây lòng anh vẫn vậy  
vẫn cứ như gương một tấm sạch boong  
hồn anh đơn sơ như là trang giấy  
sống hồng gì hơn ngoài một tấm lòng*  
(thơ Phan Ni Tấn ND)

Tài vật của tôi quả không đủ giới thiệu nét tinh xảo của một tập thơ gồm 53 bài, đủ thể loại, diễn tả tình yêu, tình bạn, tình quê hương, tình người, tình đời. Nhà văn Trang Châu đã thay tôi làm công việc này. Trong lời bạt, anh viết:

... "Tâm sự Phan Ni Tấn trong *Câu Thơ Về Người* tóm gọn là tâm tư của một người tìm quên, tìm quen và tìm về. Tìm quên không phải quên khá khứ mà quên hiện tại..."

...*Thơ Phan Ni Tấn là thơ của những gì đã mất: quê hương, bằng hữu, kỷ niệm xưa, đời sống cũ. Do đó, ý thơ ngậm ngùi, hơi thơ dằng dặc, nhạc điệu trong thơ u trầm..*

...*Thơ nói về quê hương, ở hải ngoại, không ít, nhưng nói một cách thấm thiết, chân tình bằng một ngôn ngữ thơ thì không nhiều. Thơ quê hương của Phan Ni Tấn dễ dàng đi vào tâm hồn người đọc, những tâm hồn đồng điệu.*

...*Hiện tại gia tài duy nhất còn lại với nhà thơ là trang giấy  
mai có lênh đênh cùng sào  
cũng còn trang giấy trắng màu thủy chung  
ta về nở giữa lòng trang giấy câu hò cây lúa mọc bờ đê  
Trang giấy ôm hết. Ôm hết nỗi sầu lẫn ước mơ của thi sĩ*

Nói chuyện thơ, nhiều người nghe cho là chuyện tào lao. Dù cái tào lao có phần dễ thương. Nên tôi xin chuyển qua mô tả vóc dáng ông thi sĩ cho các bạn để nhận dạng. Vào thời điểm này, ông bạn thơ của tôi đã có bề ngang da thịt gấp rưỡi tôi. Chính vì thế trông hơi lùn một chút. Cái bụng có phần leo thang. Lúc này là lúc Phan Ni Tấn mặc quần có dây treo thích hợp hơn thời kỳ làm một thành viên của tổ tam nhân Tấn, Ngạn, Nghĩa. Với khuôn mặt vuông vức rất hào hớn, Phan Ni Tấn nuôi chòm râu dưới cằm, trông rất hách. Nụ cười

không sẵn sàng nhưng thường nở ra đúng lúc. Mắt nhìn chính trực, không có nhiều đa tình. Bước đi chậm và hơi nặng, phẳng phất một chút lè phè, rất dễ bị hít đất, nếu gặp tôi ở quán trường. Nhìn chung, Phan Ni Tấn là người của im lặng. Ấy vậy mà anh là một thành viên tích cực của các phong trào Du ca, Hưng Ca và từng giữ chức Chủ tịch hội Văn bút Việt Nam Hải ngoại trung tâm Toronto, thời kỳ Văn bút chưa bị nhiễm trùng. Giao tình giữa Tấn và bằng hữu rất tốt. Qua anh, tôi quen biết thêm Phạm Đình Cường. Ông bạn này bề ngoài không hào hoa phong nhã gì mấy, đại khái như ông Bill Gate, nhưng cũng là một tay nhà giàu. Dĩ nhiên tài chánh ông khiêm nhường hơn nhiều. Nhưng nhân tình thì chắc ông phải hơn. Anh em ở Montréal xuống Toronto không ghé Phan gia trang thì ắt phải đến quán rượu *Temptation* của Phạm Đình Cường. Quán phục vụ cho người bản xứ nên các nàng tiếp rượu đều là “tóc vàng sợi...ngắn” xinh đẹp, tràn trề sinh lực cả. Nhiều lần tôi, Lưu Nguyễn, Nguyễn Đông Ngạc, Song Thao túc trực đêm ở đây. Bên cạnh Phạm Đình Cường, tôi còn biết thêm nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, nhà văn Nguyễn Nghĩa. Nhà thơ Cung Vũ tôi cũng có quen nhưng qua việc đóng góp thơ cho Làng Văn, một tạp chí từng xuất sắc một thời.

Tôi đã cố ý dùng lại chữ đặc biệt của Tấn là chữ Miếng: “miếng tình”, “miếng lòng”, “miếng mặn mà” vv..(*gặm miếng mặn mà cho thấm tháp...*)

Năm 2004, tuyển tập Tình Khúc Phan Ni Tấn ND được ấn hành. Chăm sóc in ruột Lê Hân. In bìa Trang Sĩ Quý. Mẫu bìa Trần Nho Bụi. Phụ bản của Vivi, Võ Đình, Tạ Ký, Etcetera, Thái Tuấn, Khánh Trường, Nguyễn Khai, Lê Tài Điển, Nguyễn Trung, Ngô Vương Toại. Đây đưa đôi lời của Nguyễn Ngọc Ngạn, Luân Hoán, Song Thao, Lê Hữu, Đặng Minh Châu Bá Thông. Một số ảnh tác giả chụp kỷ niệm với bằng hữu sinh hoạt văn học nghệ thuật, được in rõ nét, đậm đà. Vui tay tôi đếm được đúng 60 nhân vật sinh hoạt văn học nghệ thuật hiện diện bên anh, có cả những thế hệ đi trước như Phạm Duy, Tạ Ty...

Nhận định về Sinh Nhật Cây Đàn, Song Thao viết:

*“Tôi nghĩ Phan Ni Tấn trước sau gì cũng là một người tình. Người tình trong thơ. Người tình trong nhạc. Một người tình miệt mài giữ hơi thở của những cuộc tình. Người ta thấy tình yêu trùm lấp trong thơ, trong nhạc của anh. Tình quê hương ? Có. Tình nơi chốn đã đón chào anh vào đời. Tình cho những nẻo đường đã dẫm dấu bước chân anh. Tình gia đình ? Có. Tình cho người vợ hiền. Tình cho đứa con trai duy nhất. Nhưng mặn mà hơn cả, tôi thấy, anh vẫn mượn mà trong tình yêu đúng nghĩa là tình yêu...”*

Nguyễn Ngọc Ngạn nhận xét:

*“Phan Ni Tấn từ khi tôi quen biết hơn 20 năm qua, lúc nào cũng đi giữa hai dòng văn nghệ là thơ và nhạc. Năm 1988, anh xuất bản thi phẩm đầu tay Hồi Ký Thơ, chấm dứt bằng câu:*

*Thơ tôi nguyên quán Việt Nam*

*Đó là lời nói chân thật nhất của tâm hồn giản dị, Phan Ni Tấn. Bởi vì khi nhìn sang lãnh vực âm nhạc, dù là tình ca, người ta vẫn thấy cái “nguyên quán Việt Nam” rất rõ nét ở Phan Ni Tấn...”*

## Võ Phiến, cuối cùng tôi được gặp

**T**rong văn giới của Việt Nam Cộng Hòa có hai người tôi rất ngưỡng mộ, kính phục: nhà văn Nguyễn Văn Xuân và nhà văn Võ Phiến. Với ông “Quảng Nam Học” (1), tôi được may mắn gặp mặt nhiều lần. Ngược lại, với ngài “Biệt Kích Văn Hóa” (1), tôi hụt nhiều cơ hội đối diện.

Được gặp mặt, được bắt tay, được ngồi nghe những câu nói gửi trực tiếp đến với mình, từ một người danh tiếng, quả thật là một kỳ thú, một hãnh diện. Tuy không có tình sẵn đuổi những cơ hội này, nhưng nếu hữu duyên có được sự hội ngộ, tôi sẽ rất phơi phới trong lòng. Bằng hữu, dù là đàn anh, đàn chị, đàn em, đàn...cháu, vẫn quý báu như nhau. Không được là bằng hữu, chỉ tương kính xã giao cũng vô vãn sung sướng.

Với nhà văn Võ Phiến, được quen biết ông, được gặp mặt ông, kể như có thêm một hạnh phúc. Chắc chắn nhiều bạn sẽ nhăn mặt, cho rằng tôi có phần tâng bốc, ra chiều nịnh bợ. Không sao. Đây là niềm vui tôi tìm thấy, khi cảm nhận mình được hưởng ké cái rực rỡ của một nhân tài, bất cứ họ hoạt động ở lãnh vực nào.

Sự tâng bốc của tôi dành cho nhà văn Võ Phiến nếu có, cũng là chuyện bình thường, bởi những gì ông đã dành cho nền văn học Việt Nam không nhỏ chút nào. Để xác định điều này, chúng ta thử ghé qua từng trang đời của ông, một cách vắn tắt.

Nhà văn Võ Phiến ra đời vào ngày 13 tháng 9 năm Ất Sửu, nhằm ngày 30 tháng 10 năm 1925. Nhưng trong khai sinh ghi sứt mất 7 ngày. Có lẽ đây là ngày làm giấy khai sinh? Địa danh nhà văn chính thức đến với cuộc sống được ghi rõ: làng Trà Bình, tổng Trung Bình, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Ông mang tên gọi Đoàn Thế Nhơn, bởi thân phụ ông là Đoàn Thế Cần, một lưu dân làm ăn tại miền Rạch Giá, Nam kỳ, chỉ gặp mặt con khi cậu đã lên 7. Thân mẫu ông, bà Ngô Thị Cương cũng bỏ ông lại quê nhà để theo chồng vào năm 1934. Cả hai bậc sinh thành, đều đã qua đời (ông đi trước bà theo sau, vào 30-3-1983 và 06-11-1989). Võ Phiến đã theo học tại Qui Nhơn đến năm 1941 và tại Huế đến năm 1943. Năm 1944 ông được học giả Đào Duy Anh đưa ra Hà Nội nuôi ăn học. Năm 1945, trở về Bình Định để thi hành nghĩa vụ thanh niên trong đơn vị tuyên truyền xung phong. Năm 1946 lại trở ra nhà cụ Đào, rồi lại trở về Bình Định, dạy các lớp bình dân học vụ và làm việc trong ngành thuế quan. Ông gặp bà Viễn Phố rồi cùng bà chấp cánh thông dong một đời kể từ năm 1948. Vợ sinh con, cuối năm 1948, ông dạy học, cùng lúc bắt đầu chống đối chủ thuyết cộng sản, nên bị bắt ngày 17-10-1952. Tòa án liên khu V xử 5 năm tù, giam tại Phú Nhiêu. Nhờ hiệp định Genève, ông được phóng thích vào tháng 9-1954. Cuối năm 1954, ông ra Huế làm việc cho Nha Thông Tin Trung Việt. Đầu năm 1955, ông được chuyển làm Trưởng Ty Thông Tin Quảng Trị. Sau đó làm Trưởng Ty Thông Tin Bình Định từ 1955 đến 1959. Giữa khoảng thời gian này, năm 1956, ông gặp lại cha mẹ ở Trà Vinh, ông đưa cả nhà về đoàn tụ tại Bình Định. Cuối năm 1959, ông cùng gia đình vào Sài Gòn. Ông làm việc tại Bộ Thông Tin cho đến ngày ra xứ người, vào ngày 22 tháng 4 năm 1975. Ông tỵ nạn tại trại Pennsylvania cho đến ngày 03-9-1975. Trên lãnh thổ Hoa Kỳ, gia đình ông cư ngụ tại Minneapolis, Minnesota rồi dời đến Santa Monica, Los Angeles (kể từ 07-4-1977). Hiện nay, sau khi hồi hưu vào năm 1994, ông cùng gia đình, định cư tại Hightland Park, Los Angeles California, trong một căn nhà yên tĩnh với cây lá xanh tươi quanh vườn. Mặc dù đã qua hai lần mổ tim tại Hoa Kỳ (ngày 05-10-1985 và 01-4-1992), sức khỏe của nhà văn Võ Phiến vẫn rất khả quan.

Về văn nghiệp, nhà văn Võ Phiến bắt đầu bằng những bài tùy bút đăng trên các báo Trung Bắc, Chủ Nhật tại Hà Nội vào năm 1943. Ông viết cho tờ Mùa Lúa Mới năm 1955. Rồi cộng tác với Bách Khoa, Sáng Tạo cùng nhiều tạp chí khác tại thủ đô Sài Gòn. Ông được trao giải Văn chương toàn quốc năm 1960 với tác phẩm Mưa Đêm Cuối Năm. Ông là một trong những vị giám khảo của giải Văn Học Nghệ Thuật hàng năm của Việt Nam Cộng Hòa (từ 1961 đến 1974). Năm 1962 ông thành lập nhà xuất bản Thời Mới. Từ năm 1970 đến 1974 ông có mặt trong Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục của Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1978, sau khi đã định cư tại Hoa Kỳ, ông chủ trương tạp chí Văn Học Nghệ Thuật. Báo ra được 13 số, kể từ tháng 4-1978 đến tháng 12-1979. Năm 1985 ông cùng các nhà văn Nguyễn Mộng Giác,

Lê Tất Điều cho tục bản tạp chí Văn Học Nghệ Thuật, phát hành từ tháng 5-1985 đến tháng 1-1986, sau đó, ông giao trách nhiệm lại cho nhà văn Nguyễn Mộng Giác, để chú tâm vào việc sáng tác, biên khảo. Gia tài tác phẩm của ông thật đồ sộ gồm: 4 tiểu thuyết, 7 tập truyện ngắn, 9 tập tùy bút, 9 tập tiểu luận, 8 tập phê bình, 5 tập truyện dịch được ký dưới bút hiệu Tràng Thiên, 1 tập thơ. Trong thời gian gần đây, những tác phẩm của ông được cho tái bản dưới tên Võ Phiến toàn tập, gồm: tùy bút 1, tùy bút 2, tạp bút, tiểu luận, tạp luận, truyện ngắn 1, truyện ngắn 2, tiểu thuyết 1, tiểu thuyết 2, tổng cộng 3247 trang.

Sáng tác của Võ Phiến không những dồi dào số lượng, mà ở bất cứ bộ môn nào, dưới ngọn bút của ông, cũng có một giá trị đặc biệt, thu phục người đọc. Vì thế, sau khi thường ngoạn tác phẩm của ông, nhiều người cầm bút muốn bày tỏ những nhận xét, những tán thưởng của mình. Số lượng những bài viết về Võ Phiến mỗi ngày một nhiều. Có người viết nguyên một cuốn sách như nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc với cuốn “Võ Phiến”. Như John C. Schafer, một tác giả ngoại quốc, với cuốn “Võ Phiến And The Sadness of Exile”. Những tên tuổi liệt kê dưới đây đã đóng góp mỗi người một bài hoặc hai ba bài, tùy theo sự cảm nhận và tùy hứng riêng: Đặng Tiến, Vũ Hạnh, Cao Huy Khanh, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mộng Giác, Phan Lạc Phúc, Mai Thảo, Đỗ Tấn, Huỳnh Phan Anh, Viên Linh, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Hữu Nghĩa, Võ Đình, Thế Uyên, Ngô Nguyên Dũng, Hồ Trường An, Phan Lạc Tiếp, Lê Tất Điều, Trần Long Hồ, Hà Thúc Sinh, Trúc Chi, Nguyễn Ngọc Tuấn (bút hiệu khác của Nguyễn Hưng Quốc), Bùi Bảo Trúc, Bùi Vĩnh Phúc, Hoàng Khởi Phong, Lockhart Greg, Nam Chi (bút hiệu khác của Đặng Tiến), Nguyễn Thị Sông Hương, Thụy Khuê, Trần Hữu Thực (tên thật của Trần Doãn Nho), Nguyễn Hoàng Văn, Lê Minh Hà, Hoàng Nga, Nguyễn Hữu Lê, Minh Nguyệt, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Vy Khanh, Tạ Chí Đại Trường, Quỳnh Dao (ca sĩ), Ngự Thuýết, Trần Văn Nam, Triều Hoa Đại...Lắm cảm lên danh sách này, tôi không có ý mơ mộng, mai sau tên mình cũng được đứng chung trong đội ngũ đọc và viết về Võ Phiến. Bởi giản dị, tôi hoàn toàn không có khả năng biên khảo, cũng như thực sự không muốn làm một người thông dịch ý tưởng, tinh cảm người khác. Hơn nữa, tôi luôn luôn là một bạn đọc tài tử với bất kỳ một tác giả nào, dù tôi đã làm quen với *cái tên gọi* Võ Phiến từ những năm 1962, 1963...

Trở lại với sinh hoạt chữ nghĩa của miền Nam tự do, trong giai đoạn đầu thập niên 60 đến tháng 4 năm 1975, tuy chỉ hời hợt theo dõi, tôi cũng có thể đoan chắc, miền Nam Việt Nam có một nền văn học sung mãn về nhân tài và tác phẩm. Những công trình tìm óc, đa số có giá trị văn học, nghệ thuật.. Không khí sinh hoạt cởi mở, hào hứng, tuy có sự ngấm ngấm phân chia cánh miền Bắc, cánh miền Nam, cánh miền Trung, nhưng không có sự kỳ thị rõ nét. Sự cạnh tranh giữa những “thế lực văn học” chính là sự tranh đua cần thiết để phát triển nghề nghiệp một cách tốt đẹp hơn. Nhà văn Võ Phiến là một trong những người đứng hàng đầu của giới cầm bút tại miền Nam Việt Nam thời bấy giờ. Ngưỡng mộ ông, tôi càng muốn được quen biết với ông. Nhưng đến tòa soạn để tìm gặp tác giả, không phải là một việc tôi cho phép tôi thực hiện. Tôi chưa làm điều này với bất cứ tác giả nào. Nhớ có lần ghé Bình Định chơi, tôi có hỏi một anh bạn, người địa phương, nhà tác giả Chữ Tình ở đâu? Hỏi chỉ cho có chuyện vậy thôi. Bởi tôi biết, ông đang sinh sống, làm việc tại Sài Gòn. Cho dù ông đang có mặt tại Bình Định, tôi cũng không đủ bạo dạn để đường đột ra mắt ông. Nếu không có biên cố lịch sử 1975, và nếu không bôn tẩu ra hải ngoại, có lẽ tôi không bao giờ có cơ hội gọi là quen biết nhà văn Võ Phiến.

Tình bằng hữu chỉ có được bởi những thân tình. Những thân tình này chẳng lẽ chỉ hạn chế, dành riêng cho những sự gặp gỡ, thù tạc, đối ẩm, bàn luận, tán dúc?...Giữa tôi và nhà văn Võ Phiến chưa một lần gặp mặt, nhưng đối với nhau không có quá nhiều xa lạ, ít nhất là với chủ quan của riêng tôi, cho riêng tôi. Ông hơn tôi nhiều mặt. Ông là bậc đàn anh. Tôi kính trọng, ngưỡng mộ, thán phục ông. Dĩ nhiên ngoài tôi, còn có hàng vạn người quý mến, kính nể ông.



Dù vậy, tôi thật sự băn khoăn không biết có nên dựa vào thân thế sự nghiệp hoành tráng của ông để vẽ bùa cho cái tôi quá nhỏ nhoi của mình ? Chọn ông để cố viết “*đôi dòng chẳng đáng chi*” có lẽ tôi đã vô lễ, thất kính với ông, với cả tôi. Nhưng buông bút, bỏ qua lại thấy tiếc, thấy thiếu thiếu, lại thấy không thành thật với dụng ý muốn dựa hơi của chính mình, do đó, tôi đã cố gắng hết sức để viết cho chính mình bài tạp hồi ký này.

Tháng 7 năm 1985, tôi nhờ nhà thơ Thái Tú Hạp chuyển đến nhà văn Võ Phiến một ít tư liệu vấn tắt về năm bảy người cầm bút tại miền Trung mà ông Võ Phiến hỏi xin qua trung gian Thái Tú Hạp. Những tư liệu vụn này ông dùng bổ sung cho phần phụ lục cuốn Văn Học Miền Nam, tổng quan của ông. Ngày 17 tháng 7 năm 1985, tôi nhận được thư đầu tiên của ông. Thư viết tay trên giấy có in sẵn tên và địa chỉ tạp chí ông đang chăm sóc, tờ Văn Học Nghệ Thuật. Ngoài vài dòng cảm ơn, nhà văn còn nhờ tôi cho biết thêm “*chi tiết về các nạn nhân của chế độ cộng sản tại Việt Nam*”. Ông ghi rõ từng dòng những điểm cần thiết và để những dấu chấm lửng dành cho tôi. Nét chữ ông viết thuộc dạng chữ nghiêng, một dạng chữ, theo tôi, rất thông dụng của những người thuộc thế hệ 30 trở về trước. Chữ ông viết dễ đọc, có thể gọi là đẹp. Chữ ký rất bay bướm. Dĩ nhiên sau đó, tôi còn được đôi lần nhận thư ông. Một ít thơ của tôi viết sau 1975 được ông cho đi trên Văn Học Nghệ Thuật rồi Văn Học do ông điều hành. Cái tình giữa những người cầm bút với nhau phát triển khá nhanh trong sự cởi mở, thân mật, như ông đã viết... “*xa xôi, chưa từng gặp nhau mà đã mến nhau! Cái duyên văn nghệ thật quý hoá*” (thư 9-1995).

Cơ hội thứ nhất tôi có thể nhìn tận dung nhan nhà văn Võ Phiến vào năm 1989, khi ông

đến thăm thành phố Montréal, nơi tôi đang cư ngụ. Vào thời điểm này, giới cầm bút người Việt tại Montréal đang tổ chức đại hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Nhà văn Võ Phiến hình như không phải là người đi phó hội. Tôi không có mặt tại những địa điểm diễn ra sinh hoạt này, nên không rõ có sự hiện diện của ông Võ Phiến tại những hội trường đó không. Theo nhà thơ Lưu Nguyễn, tác giả Thương Hoài Ngàn Năm... được một nhóm bạn văn từ Toronto lên, đưa đi thăm những nơi nổi tiếng của thành phố Montréal. Biết ông đến, nhưng không rõ chỗ tạm trú của ông nên tôi đành bỏ qua một dịp tốt để trình diện ông. Thật tiếc.

Cơ hội thứ hai, có khoảng cách xa xôi hơn. Năm 1995, nhà văn Võ Phiến được các bạn văn, bạn đọc: Phó Ngọc Văn, Trần Long Hồ, Đinh Cường... tại thủ đô Washington Hoa Kỳ tổ chức một đêm vinh danh, có tên gọi Đêm Võ Phiến, tương tự như Đêm Mai Thảo đã được tổ chức trước đó mấy năm. Dĩ nhiên tác giả Người Từ... phải có mặt. Những bạn văn từ các vùng Virginia, New Jersey... nao nức đến thăm viếng, tri ân ông. Cánh viết lách lãng nhăng của chúng tôi ở Montréal cũng dự định lên đường. Riêng tôi rất háo hức nghĩ đến cái phút được hưởng ké cái hương danh của ông. Nhưng rủi, vào phút chót, không hiểu sao chuyến đi của anh em Montréal trở thành một buổi gặp mặt tại quán cà phê *Van Houtte*, để ký tên. Một cái *cravate* trang nhã, khiêm nhường đi kèm với một tấm thiệp chúc mừng đơn giản, mang chữ ký của Hồ Đình Nghiêm, Trang Châu, Lưu Nguyễn, Hoàng Xuân Sơn, Song Thao, Phạm Nhuận, Luân Hoán được giao cho nhà văn Trang Châu mang sang Hoa Kỳ, đệ trình ông. Chút tình bé mọn, ngay sau đó đã giúp tôi nhận thêm mấy câu của tác giả Thư Gửi Bạn: “*Anh chắc đã có cái thiệp con, gửi anh Trang Châu chuyển hộ, để tỏ chút lòng biết ơn anh em Canada...*”

Nhiều năm tiếp theo tôi cũng chưa có cái cơ hội để được ngồi nghe người cha đẻ của những nhân vật Chị Bốn Chia Vôi, chị Lộc, chị Lê, các anh Hữu, anh Bốn Thôi, anh Nam Hà, anh Thập Tam... kể lể tỉ mỉ chuyện “Về Một Xóm Quê”, hay miên man dựng lại những cái rất nhàm của cuộc sống, mà người nghe, người đọc vẫn không chán chút nào. Khoảng cách địa lý giữa nơi tôi và bậc đàn anh tôi trọng vọng thật là lớn. Mỗi ngày như một rộng thêm ra bởi tình trạng sức khoẻ, kinh tế lẫn bản tính ngại đi xa của tôi. Giữa lúc tôi dần quên đi cái mong muốn gặp

cho biết, gặp để chụp hình chung cho oai... thì tạp chí Văn Học nhen lại trong tôi một “muru toan” mới. Không được gặp nhà văn, thì cũng nên góp lời tán thưởng ông.

Dự định của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, thực hiện một số đặc biệt về Võ Phiến, được tạp chí Văn Học thông báo. Tôi mở cờ trong bụng, định viết một cái gì. “Cái gì” của tôi dĩ nhiên vẫn là bồn cũ soạn lại: mấy câu văn vắn ! Chuyện tưởng khá dễ, nhưng cầm bút lên, tôi mới biết thật sự quá sức mình. Viết vắn vắn cho nên thơ không phải là chuyện đùa. Và rui ro hơn, không hiểu sao, những gì tôi cảm, tôi nghĩ về người chồng của bà Viễn Phố đi đâu mất hết. Tôi chột nghiệm ra, làm thơ ngợi ca (đương nhiên phải ca ngợi) một người nào đó là một chuyện vô cùng khó khăn, nhất là người đó chưa quá vãng. Khó có thể nói dóc, nói láo về một người đang sống, đang ở trong thời kỳ sinh hoạt sung sức nhất. Làm thơ huê tình tán gái, làm thơ suy tư lảm cẩm hay làm thơ tỏ tình cùng cỏ cây, đất đá, quê hương, dễ hơn nhiều. Có lẽ đây cũng là lý do nhà thơ Hoàng Lộc từng từ chối đề nghị, khi tôi nhờ anh viết về một vài người bạn chung.

Không có ý, không có hứng, nhưng tôi cũng liều mạng cuồng, viết. Rất may nhà văn Nguyễn Mộng Giác và nhóm chủ biên Văn Học kịp thời phát hiện cái dở của bài thơ và loại bỏ. Số đặc biệt về Võ Phiến rơi vào số 150 và 151 dành cho hai tháng 10, 11 năm 1998 thật phong phú, qui tụ các bài viết của Nguyễn Hưng Quốc, Võ Đình, Trần Hữu Thực, Trần Doãn Nho, Nguyễn Hoàng Văn, Lê Minh Hà, Nguyễn Hữu Lê, Trúc Chi, Minh Nguyệt, Hoàng Nga, Tạ Chí Đại Trường, Quỳnh Dao, Ngự Thuyết, Trần Long Hồ, Hoàng Xuân Sơn, Ngô Nguyên Dũng, Trần Văn Nam, Trần Hoài Thư, Nguyễn Vy Khanh... về thơ có Huệ Thu, Hà Thượng Nhân, Sử Mặc (bút hiệu khác của Hoàng Xuân Sơn). Bài thơ của tôi có tên: Tìm Trăng, không có duyên. Nhưng vì tiếc nuối một “chút tình văn một chiều” (xin đừng hiểu nhầm đồng tình luyến ái) với tác giả Phù Thế, Áo Ảnh, Giã Từ, Nguyên Vẹn... tôi giữ lại, và cảm lòng không đặng nên cho in vào tập “Sông Núi Cùng Người Thơm Ngát Thơ” phát hành năm 2002. Bây giờ, lại xin can đảm một lần nữa ghi đầy đủ dưới đây:

### **Tim Trăng**

tặng một nhà văn Việt Nam

*xách cái tâm thơ vào Bình Định*

*ngoài con đường nắng, chẳng quen ai*

*ở đâu hương sắc đầm Đạm Thủy ?*

*La Tinh trôi thơm lọn tóc dài ?*

*lơ lửng một mình qua phố biển*

*Trà Vinh, Phù Mỹ chỗ nào đây ?*

*cỏ hoa nào đỡ bàn tay viết ?*

*chữ thấm thịt da võ cánh bay*

*có phải chỗ này người đứng ngắm  
sóng mênh mang trải khúc Hoan Ca ?  
con còng ngậm gió lang thang mộng  
lòng thả vãn ra mở cánh hoa*

*đâu chỉ con người là nhân vật  
bụi, rêu, hương, phấn... rủ nhau vui  
tha thiết, tinh vi nguồn máu tiếp  
chữ mọc chân qua thế giới người*

*xách cái tâm thơ vào Bình Định  
tôi tìm dòm lên một lần chơi  
Chữ Tinh, Áo Ảnh hay Phù Thế ?  
Tạp Bút xanh thom một góc trời*

*Viễn phố mười lần tôi với nắng  
đi về nặng túi xách vô duyên  
chợt nghe đời trở mình trong sách  
cùng lúc trắng vào ẩm mái hiên*

(Sông Núi Cùng Người Thơ Ngát Thơ - trang 95)

Vì bài thơ không đứng được trong số đặc biệt của Văn Học, nên đến nay chắc chắn nhà văn Võ Phiến vẫn chưa cơ hội bực mình lẫn ái ngại cho cái liều mạng đáng xấu hổ của tôi. Hú hồn. Nếu sau này, ông có tình cờ đọc, xin lượng tình bỏ lỗi.

Sau chuyện làm thơ cầu thân không thành, cái cơ hội tìm thăm nhà văn Võ Phiến của tôi càng mịt mờ. Tuy vậy tôi vẫn theo dõi những sinh hoạt thật ngoạn mục của ông. Ngoài truyện ngắn, tùy bút, tạp bút... ông còn cho phát hành một tập thơ năm 1997. Những biên khảo về văn học của ông được đánh giá cao (nói theo kiểu quốc nội ngày nay), được ghi nhận rất cần thiết, đã góp sức làm sống lại một nền văn học đích thực có giá trị, đã và vẫn đang có ý đồ bỏ qua, vì đó ky, mặc cảm thua sút của chính phủ đương quyền Việt Nam.

Chẳng thể đưa ra những những nhận xét, đánh giá về văn tài Võ Phiến, cũng không trích dẫn đoạn văn nào của ông, tôi xin chép một bài trong thể loại, ông ít chuyên nhất, mời bạn đọc thưởng lãm. Sự trích đăng ở đây không có mục đích dẫn chứng một điều gì. Nó chỉ có ý nghĩa mang cái hồn của ông đến, để làm ấm, làm thơm một chút cho bài viết này:

*một ngày một ngày lại một ngày*

*chân cứ đều chân lòng man mác*

*trước mặt mây bay trời bát ngát*

*cúi đầu bước tới, ngày lại ngày*

*dưới đồng lá khô có ai hay*

*những con bọ nhỏ còn lúc nhúc*

*dăm tiếng khóc nhỏ còn tấm tức*

*lấp vùi dưới những tháng năm xưa*

*lấp vùi những tự buổi ngày thơ*

*dăm tiếng cười vui còn rúc rích*

*như tia nắng lọt qua khe vách*

*qua khe hở một thập niên xa*

*có đôi ánh mắt còn thiết tha*

*gửi đến ngày nay tia nhấp nháy*

*khởi bước ra đi từ buổi ấy*

*một thân dầu dãi mấy phong trần*

*mỏi mê nghĩ đến lúc dừng chân*

*ngẩng mặt, mây bay trời bát ngát*

*ta vỗ lên cái thi thể sắp lạnh của một đời người mà hát:*

*“thời gian ơi thời gian”*

(Thời Gian – trong thi phẩm Thơ Thần- Võ Phiến)

Hẳn nhiên không phải ai cũng tán thưởng Võ Phiến. Ông có chừng vài phần trăm những người chỉ trích ông. Theo nhận xét của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc:

... “ Sau 1975, lên đại học, tôi ngạc nhiên thấy nhiều thầy giáo của mình từ miền Bắc vào - phần lớn đều là những người viết lách ít nhiều – khen Võ Phiến nức nở hoặc chửi bới Võ Phiến thậm tệ. Trong cả lời khen lẫn tiếng chê, tôi đều thấy thấp thoáng có chút gì như thán phục. Vì thán phục nên mới nghĩ là ông nguy hiểm, mới phong cho ông cái chức là “tên biệt kích văn nghệ hàng đầu”...”

(Đến với Võ Phiến - Nguyễn Hưng Quốc)

Tại hải ngoại, nhà văn Võ Phiến bị “đánh” khi cho phát hành bộ sách Văn Học Miền Nam, cuốn đặc biệt biên khảo về thi ca. Sách dày 534 trang, giới thiệu 32 người, đã đem đến cho ông ít nhiều xúc cảm khi đọc thơ. Với số lượng này, nhiều nhà thơ thành danh của miền Nam, trước 1975 bị ông bỏ sót. Đây có thể là một trong những lý do.

Dù được khen, dù bị chê, nhà văn Võ Phiến vẫn thản nhiên tiếp tục công việc của mình. Phần tôi, tự biết thiếu quá nhiều điều kiện cần thiết, sự mong muốn được gặp mặt ông giảm đi rất nhiều. Tuy vậy nếu có cơ hội, tôi thực hiện ý muốn của mình ngay. Cơ hội đó bất ngờ đến với tôi trong tháng 7 năm 2006.

Chuyện đến thăm Sài Gòn Nhỏ ở quận Cam California lâu nay đối với tôi không có gì tha thiết. Trước đây tôi đã từ chối lòng tốt của nhiều người bạn có nhã ý, bao ăn ở, bao cả vé máy bay, cho tôi đi thăm sinh hoạt của người Việt nói chung, của anh em cầm bút nói riêng, tại thủ đô người tị nạn Việt Nam. Tôi từ chối, chẳng phải vì không ham đến cái địa danh đã trở nên nổi tiếng, thân quen này. Mà tôi muốn luôn được tưởng tượng về miền đất ấy với những gì sinh động, tốt đẹp nhất. Dĩ nhiên không thiếu những nguy hiểm ở đây. Và với một chút không thật tình này đã phải tôi ra khỏi cái lý do không thuyết phục được ai. Tôi cùng gia đình đến khu Phước Lộc Thọ trong chuyến đi qua 6 tiểu bang (Idaho, Utah, Nevada, California, Arizona, Montana) của Hoa Kỳ vào mùa vợ tôi nghỉ hè năm 2006. Đến Westminster, đến Los Angeles, không thể không tạt qua dòm mặt mũi của một số bạn văn. Nhà văn Võ Phiến, đương nhiên là mục tiêu tôi có chằm trong chương trình vui chơi của mình.

Tôi đến nhà ông bà Võ Phiến vào buổi xế trưa ngày 20 tháng 7 năm 2006 trong sự tiến dẫn của hai cặp vợ chồng Thái Tú Hạp - Ái Cẩm, Thành Tôn -Trinh. Theo chân tôi còn có cô nhân tình thâm niên chẵn gối Trần Thị Lý (một người thường tỏ ý bất mãn với cái tên của mình vì thiếu một chữ lót). Chưa ra khỏi chiếc Mercedes Benz cáu cạnh của Hạp (bè bạn ở đây gọi Hạp là ông nhà giàu), tôi đã thấy ông Võ Phiến đứng đón ở đầu hiên, trong khi bà đang vội vã mở cửa cổng vào.

Ngay trong cái bắt tay đầu tiên cả tôi lẫn ông nhà văn đàn anh, hình như không có sự ngỡ ngàng, xa lạ nào. Với một bàn tay nắm khá chặt tay tôi, bàn tay còn lại, ông vỗ vỗ, nhẹ nhàng lên lưng bàn tay tôi đang được ông nắm: “*Khoẻ, khoẻ luôn chứ?*”. Tất cả chúng tôi đều gọi ông bà bằng anh chị và xưng tôi.

Ông Võ Phiến có da thịt, tuy không được căng hồng lắm, nhưng gần như không có những nốt tàn nhang, dấu ấn của thời gian. Tóc ông chải gọn ra sau, ít sợi bạc, số lượng vừa đủ giữ nét đẹp cho cái góc thứ hai của con người. Mũi thẳng, đầu sống mũi hơi chòm về phía trước một chút, kín. Trán cao, rộng, không có tí vết nào của năm tháng. Cả hai hàm răng còn gần đầy đủ. Hai cánh chân mày cân đối với hai vành tai đều và lớn vừa phải. Cái thước đo tuổi thọ hình như ở đây, không rõ đúng hay sai. Với cặp mắt như muốn cười lẫn muốn thờ ra, thỉnh thoảng lóe lên những thăm dò, đánh giá, cân nhắc mọi hình thể đang diễn ra chung quanh. Tất cả những đơn vị riêng rẽ đó tập hợp trên khuôn mặt ông những nét hiền hòa dung dị, thư thái và rất thông

minh dù tuổi tác đã phần nào dim đi nét tinh nhuệ, phán đoán. Ông Võ Phiến không cao lắm, hoặc chiều dài cuộc sống đã làm co đùn lại. Ông mặc quần tây màu mỡ gà nhạt, áo sơ mi tay dài, xanh có ô ra rô trắng, bỏ ngoài quần, nhưng không luộm thuộm. Ở vào cái tuổi 81 ông vẫn minh mẫn. Nghe, nhìn, nói, cười, đi, ngồi... đều rất bình thường, khoan thai. Ông cho biết trí nhớ rất tốt về những chuyện xa xưa, nhưng lại chóng quên những sự việc mới gặp hôm qua, hôm kia hoặc vừa cách một vài giờ. Tình trạng này hình như số đông người có tuổi cao đều mắc phải.

Chúng tôi ngồi trong phòng khách rộng thoáng. Vách tường được dán giấy có vân hoa, màu hồng nhạt, mát mắt, lưu giữ một trang trí hơi có tuổi. Trên một vách, treo hơi cao một họa phẩm của họa sĩ Võ Đình tặng ông. Bộ *salon* gồm hai bàn, hai *sofa*, và một đèn để bàn đều làm bằng mây tre, đã lên nước vàng óng, bóng ngời. Ghế được trải nệm bọc vải hoa. Ông Võ Phiến tiếp ba chúng tôi tại bộ ghế ngồi này. Trong khi bà Võ Phiến rả rã tâm sự cùng ba ả đều mê chong làm thơ.

Như thói quen, câu chuyện của những người sành văn chương, sau khi những thăm hỏi sức khỏe xã giao đều quay trở lại đề tài bất biến: viết và đọc. Biết cả ba chúng tôi đều là dân Quảng Nam chính tông, ông Võ Phiến kể lại thời vàng son của ông khi sinh hoạt cùng nhà văn Nguyễn Văn Xuân. Ông khen tác giả Dịch Cát một cách chân thật. Ông thăm hỏi về cái chết của nhà văn Phan Du sau 1975. Và cả thời kỳ Mùa Lúa Mới, Nhân Loại... chợt xốn xang trong đôi mắt ông. Những đường gân máu ẩn bên trong vàng trán hình như chao động. Tôi kín đáo quan sát và chụp bắt được ít nhiều những tiếc nhớ ông vừa vượt ve. Giọng nói của ông có vẻ như hơi hẫ, sợ không theo kịp nhịp chân của trí nhớ. Từ cao, nhanh đến đều đều, liền mạch, lạnh lặn như một giọng ru. Tôi ngồi đầu một *sofa*, ông ngồi đầu một *sofa* khác, giao nhau thành một góc vuông. Khoảng cách giữa hai chúng tôi không quá một vớ tay. Tôi nghe rất rõ, vài lần, nhịp hụt hơi của ông khi nói một câu quá dài. Ông đã rất chân tình giữ vai một ông anh lớn, khi căn dặn chúng tôi cố gắng sáng tác. Viết nhanh, viết khỏe khi thời gian còn cho phép. Được ông tặng cho mấy chữ "*hãy còn trẻ*", cá nhân tôi chợt cảm thấy vui vui. Trong phút chốc như quên đi cái 65 mùa xuân của mình. Và hình như, thật sự tôi vẫn còn rất trung niên, sung sức ở cả mọi sinh hoạt đầy chữ. Lai rai nhức đầu sổ mũi chỉ là bệnh thời khí thân quen. Tôi thăm so sánh sức khỏe mình với ông mà quên đi tôi ở sau lưng ông đến những 16 năm dài. Tuổi 81 rồi sẽ tới, ngày đó tôi có được như ông anh của tôi bây giờ? Khó.

Hạp chợt hỏi về tác phẩm của John C. Schafer viết về ông. Ông cười mỉm, nhẹ nhàng vào phòng trong. Khi ông trở ra, hai tay chững như trĩu nặng cuốn *Võ Phiến And The Sadness of Exile*. Tôi đỡ cuốn sách từ tay ông. Phát hiện trọng lượng không phải từ độ dày mấy trăm trang chữ đầy mà ở sự cung kính, trang trọng của người nhận xét và hết lòng viết về ông, về những đứa con tinh thần của ông. Dù giỏi bình thản thế nào, chúng tôi cũng tìm thấy, hiểu ra niềm hãnh diện ông đang có, nổi vui sướng trong phút giây. Chúng tôi cũng thật sự hãnh diện về ông, một người anh đức độ, lẫn tài năng.

Trong lúc chúng tôi lan man trong chuyện sách báo, bà Võ Phiến tâm sự cùng ba ả phu nhân của chúng tôi. Sau này, Lý cho tôi biết các quý tử của ông bà Võ Phiến đã thành tài, ra riêng. Căn nhà khang trang chỉ còn lại hai ông bà. Bà Võ Phiến có số tuổi đời thấp hơn người bạn tình của mình, nhưng tình thoáng vẫn âu lo rất dễ thương. Bà ngại nếu chẳng may bà nhanh chân hơn trong chuyến tàu cuối cùng, ai sẽ là người chăm sóc cho nhà văn, một người bà đã từng ngưỡng mộ, từng mê, từng kính phục và yêu thương suốt đời.

Giữa những tiếng trò chuyện ám áp của cả hai nhóm chúng tôi, chợt vang lên tiếng va chạm giữa xâu chìa khóa của chị Ái Cẩm với sàn nhà, kéo theo tiếng đàn cò trên gác. Ba ả phu nhân tức thì theo chị Võ Phiến lên chỗ đang phát ra những giai điệu rất cổ xưa nhưng rất quen thuộc

của người Tàu. Tối về khách sạn, Lý cho tôi biết anh chị Võ Phiến được bè bạn tặng cho một bộ hình tượng người Tàu để trang trí. Nếu có tiếng động vừa đủ mạnh hình tượng đó sẽ phát ra những điệu nhạc được gài sẵn bên trong. Lý rất thích, cô nàng đã hỏi bà Viễn Phố nơi bán, nên ngay sáng hôm sau, chúng tôi ra khu Phước Lộc Thọ mua về một tượng giống y chang tượng ông bà Võ Phiến đang có.

Chúng tôi rời nhà anh chị Võ Phiến vào khoảng 4 giờ chiều. Vài hôm sau, chúng tôi rời Westminster. Từ già Sài Gòn Nhỏ, từ già các anh bạn văn Nguyễn Mộng Giác, Lữ Quỳnh, Nguyễn Mạnh Trinh, Thái Tú Hạp, Thành Tôn, Trần Văn Nam, Đạm Thạch, Bé Ký, Hồ Thành Đức, Đặng Hiền, Ái Cẩm, Hạ Quốc Huy, Rừng-Nguyễn Tuấn Khanh, Phạm Phú Minh, Nguyễn Nam An, Hà Nguyên Du, Trần Yên Hòa... và những người tôi chưa kịp nhớ tên, đã cho tôi được gặp gỡ trong vài tiếng đồng hồ thân quý. Cảm ơn quận Cam Cali, nơi cho tôi thấy những ngọn chuối xanh mướt, những giàn hoa giấy rực rỡ hương sắc Việt Nam ngoài bờ giậu. Cảm ơn chuyến đi tình cờ, vội vã.

Sau khi tôi đã có mặt tại Montréal, cuốn Dừa Hơi Bè Bạn tập 1 của tôi đã in xong. Lê Hân sẵn sóc tận tình, sách in rất đẹp. Đặc biệt là cái bìa, do chính tôi liệu mạng trình bày, Họa sĩ Đinh Cường, nhận được sách đã gửi ngay email: ... *"Trông bìa thấy bạn đứng như James Dean... Thật lắm liệt là bạn tôi... Bạn nói Dừa Hơi Bạn Bè, nói vậy mà không phải vậy."* (Sat.9 sep.2006. 16:24:46 EDT, From: Cuongnhung@aol.com)

Vui nhưng chợt giật mình. Còn một số kỷ niệm thân tình nữa chưa viết được. Chẳng ai thêm đòi, nhưng rõ ràng tôi đang nợ. Nghỉ ngơi một thời gian, ngồi gõ lại có phần hơi khó. Bắt đầu từ nhân vật nào? Tôi ghi ra giấy hơn hai mươi cái tên. Đọc thắm từng tên một và đánh hơi cái thân thiết với từng người. Nghĩ, nhớ miên man. Tôi chợt chọn một người có ít kỷ niệm với mình nhất đi đầu tiên cho loạt bài mới. Nhà văn Võ Phiến. Đây là một lựa chọn nằm ngoài danh sách dự trù, hơi liều mạng, bởi văn nghiệp của ông Võ Phiến quá lớn. Tầm vóc của ông không thể để tôi mang ra dựa hơi. Nhưng suy đi ngẫm lại cái chân tình của ông dành cho tuy đơn sơ nhưng không thiếu ấm áp, tôi khuyến khích tôi. Để bắt đầu, tôi tìm đọc lại những gì ông viết. Thật đáng tiếc tôi không có nhiều tác phẩm của ông. Những bài viết về ông rất nhiều nhưng chẳng có bài nào tôi đọc trọn vẹn, kể cả những bài của những tay viết phê bình nhận định tài hoa Nguyễn Hưng Quốc, Thụy Khuê. Viết được một bài na ná như bài tập làm văn thời trung học đã hơi khó. Tôi không đại gì chơi những đề tài, đã thử đặt ra: Những đặc biệt trong văn phong Võ Phiến, Lắng nghe hơi thở nhân vật của Võ Phiến, Sự thay đổi giữa Võ Phiến quốc nội và Võ Phiến hải ngoại, vân vân... Tôi trung thành với lối kể chuyện tầm phào. Và để bài viết có chút xíu hơi hám văn học, tôi xin đạo văn của chính Võ Phiến đã viết về nhà văn Nguyễn Tuấn, mạn phép sửa lại cái tên cùng thêm vào chút đỉnh, để làm câu kết cho bài này:

*"Võ Phiến (nguyên bản là Nguyễn Tuấn) là một nhà văn lối lạc; khen ông không lo bị hổ. Có nhiều người khen, có nhiều cách khen..."* Tôi không chỉ khen ông là một nhà văn có tài. Ông còn là một nhà văn có tâm. Cái tâm đó ông dành trọn vẹn cho văn học Việt Nam. Tôi biết, để được quyền khen ông, không phải là chuyện dễ. Nhưng đã lỡ tay rồi, kính xin ông và bạn đọc lượng thứ. Ngày trước thi sĩ Bùi Giáng đã viết: *"Yêu em ta rất có quyền / ngồi trên bãi cỏ quàng xiềng vẽ hình..."* / tôi xin nhại lại: *"Mê văn tôi hẳn có quyền / ba hoa ăn ké làm duyên cho mình"*.

Chịu hay không chịu đành chịu !

\*\*\*

**Phụ đính:**

## Chiều trên sườn đồi

ngày trần trường trên sườn đồi  
tiếng chim đầu ngọn lá  
tôi uống ngụm nước trong  
con suối vút ve nghênh đá  
con suối khuyen nhủ lòng tôi  
thản nhiên mà  
thản nhiên mà, đừng nghĩ

ngày trần trường trên sườn đồi  
nhịp gõ trên bóng súng  
tôi liếm giọt mồ hôi  
chiều nắng vút ve ngực áo giáp  
chiều nắng khuyen nhủ lòng tôi  
thản nhiên mà,  
thản nhiên mà, đừng nghĩ

ngày trần trường trên sườn đồi  
cây lá hát trong chiều gió  
tôi mất trăm kẻ thù  
tôi mất trăm thành bạn  
tôi mất luôn hồn tôi  
hỡi tôi, hỡi tôi, đừng nghĩ

ngày trần trường trên sườn đồi  
ngồi thờ thầm trong lá  
tôi nhìn thấy mặt người  
tôi nhìn thấy trời cao  
tôi nhìn thấy ngón tay  
run run trên cò súng  
thản nhiên mà,  
thản nhiên mà, đừng nghĩ

ngày trần trường trên sườn đồi  
tiếng buồn đầy tiếng nổ  
tôi chột hiểu lòng tôi  
con chim lìa cõi phúc  
đường bay mù mù khơi  
thản nhiên mà,  
thản nhiên mà, đừng nghĩ

## Em gái

trái lòng ngắm ảnh em tôi  
nhánh mây vạt mắt náu đời ban hương  
sợi môi chưa kịp biết buồn  
đường rằng nhốt chẳng kín nguồn thương yêu  
thở tay ngắm mặt nắng chiều  
hồn nhiên lựa trái má kiêu trở hoa



ngiêng lưng rót giọt mưa nhà  
không dưng tôi rót ngọt tà áo bay  
em là em gái tôi đây  
nhìn lâu, hốt hoảng, em đầy thơ tôi

### **Trong cõi nhớ**

tôi thu dáng đứng bên cây  
chiều bao la gió sao không bay sầu  
em xa tôi đã bao lâu  
tóc tơ kia đã mấy màu gói chần ?  
thương tôi hồn khuất bóng trắng  
vuốt hoài không thẳng nếp nhăn đau buồn  
một đời lấp lánh hạt sương  
ôi trong cõi nhớ em thường đứng đâu ?  
yêu em những tưởng làm giàu  
mà ra quanh quần vẫn câu thơ này  
lệ mềm chưa hỡi ngón tay  
chất chiu tình xếp chưa đầy giọng  
ai còn đợi đến ngàn thu ?  
ôi trong cõi nhớ tôi mù đã lâu

### **Đi ngang**

Em nằm phơi rốn với chân  
chiều đờ dẫn trải một sân nắng vàng  
đúng vừa lúc tôi về ngang  
hai con mắt níu hai bàn chân đi  
đố em tôi đã nghĩ gì  
hình như trực trặc cái chi trong lòng  
nắng trời, ai bẻ cong cong  
cái tâm phẳng lặng là không phải người  
tại sao tôi phải hổ người ?  
câu thơ chọt mọc từ đùi nắng thơm  
em nằm, hương tỏa, hoa đơm  
tôi thu nhãn lực viếng thăm ngọn ngành  
mượn thơ thừa thốt loanh quanh  
rõ tôi, giấu vụng cái manh tâm mình

### **Nghe mưa**

ngồi chăm chú đếm hạt mưa  
một, hai, ba, bốn ... lưa thưa xuống đường  
mười ba, mười bảy ... dễ thương  
hai mươi, hăm mốt ... buồn buồn vẫn vợ  
hăm lăm .. đã rồi như tơ  
thôi không đếm nữa, làm thơ để dành

làm thơ từ thuở chòng chành  
hai con mắt nhúng vào vành môi ai

làm thơ từ thuở chân dài  
thông ra vấp cái trâm cài tóc thơm

làm thơ từ thuở cà lăm  
câu chào, tiếng hỏi cong cong hương tình

làm thơ từ thuở rùng mình  
nửa đêm ẩm ướt thành linh nhớ ai

để dành thơ từ sớm mai  
để dành thơ từ đêm dài hôm qua  
chờ em đến, để làm quà  
em chưa chịu đến thế là trời mưa

một, hai, ba, bốn ... lựa thưa  
mười ba, mười bảy ... cũng vừa nhớ nhưng  
nhớ em cái bụng chùng bùng  
cái tay đỡ quạu lưng khùng xé thơ

trời mưa buồn thế, không ngờ

### **Ở ngã tư Ba La**

đêm ngã tư Ba La  
ngào ngạt hương thịt da  
năm nghe lũ ếch nhái  
vừa làm tình vừa ca  
tôi ở cách xa em  
có trên trăm cây số  
sao nghe hoài nhịp rên  
loay hoay mãi thật khổ  
đêm. đêm. rộng mông mênh  
cong lưng trong lòng vắng  
mà như tuồng bay lên  
nhanh hơn nhịp tim động

ở ngã tư Ba La  
một tuần lễ đi qua  
bản đồ không mở ra  
tưởng như mình đang già

### **Chiều phố theo em**

anh ngu như thể con bò

lên yên xe đạp  
lò dò theo em

phố dài gót đỏ lênh đênh  
thương con bóng vỡ hoài trên mặt đường

lòng anh chứa vụn mùi hương  
đổ ra lót gót chân nương bóng chiều  
em đi

khép nép trong chiều  
hai bàn tay thả đập diều gió bay

sợi bụi sau áo thành mây  
cuốn anh trôi nổi hết ngày thanh xuân

đều chân em nhé  
đừng ngừng

kẻo anh thành trụ điện lừng phơi trời  
thong dong mặc sức rong chơi...

(1964)

**Giới thiệu sách:**  
**tác phẩm: Ô tình lận lạng**  
**tác gia: Luân Hoán**  
**Nguyễn Mạnh Trinh**

Một điều tôi nhận thấy rõ từ tập thơ Luân Hoán là tính thiết tha và trân trọng với văn chương. Đọc thơ anh, tôi có cảm tưởng đó là một phần xương thịt của cuộc đời chính anh. Những bài thơ, nhắc đến một thời, ở những địa danh không thể nào quên và những người mà hình bóng không thể nào xóa mờ. Thơ như để nhắc đến một nơi chốn và nhắc lại những phần đời. Thơ nhắc lại những hình bóng đã ăn sâu vào tâm khảm. Ở Luân Hoán, thơ là đời sống và đời sống cũng là thơ. Những bài lục bát, những câu bảy chữ, tám chữ, không đơn thuần là ngôn ngữ thi ca mà hình như, nó còn chuyên chở những tâm sự, ẩn dấu những chìm nổi của cuộc sống. Luân Hoán làm thơ rất nhiều và đều tay. Trong suốt hơn bốn chục năm làm thơ ông đã xuất bản gần 20 tập thơ vừa ở trong nước vừa ở hải ngoại. Và tập thơ “ Ô tình lận lạng “ mà ông vừa xuất bản gồm 7 phần với số trang đồ sộ hơn 600 trang. Nhưng, không phải những tập thơ ấy nhiều về số lượng mà không có sự trân trọng chữ nghĩa. Trái lại, ở trong vần điệu hay chữ nghĩa, ngoài ẩn dấu tấm lòng thiết tha, yêu đời yêu người còn có sự cẩn trọng của người hiểu được uy lực của con chữ. Hình như, làm thơ với ông là một cách thể sống. Chân thành, nhưng lại nhạy cảm. Lãng mạn, nhưng sống động. Cho nên, những câu thơ của ông như có máu xương da thịt của một cảnh sống thực của một tình cảm thực.

Vương Phụ Chi đời Thanh trong Khương Trai Thi thoại có nói ” Tình trung cảnh, cảnh trung tình ”.

“ Tình và cảnh tên là hai nhưng kỳ thực không thể tách rời nhau. Cái thần ở trong thơ diệu hợp vô hạn. Người khéo thì có cảnh trong tình, tình trong cảnh. Tình trong cảnh thì như cảnh một mảnh trăng Tràng An,.. tự nhiên có một cái tình cô liêu vời vợi.. cảnh trong tình thì càng khó

hơn, chẳng hạn như câu " thành thơ vung bút ngọc châu rơi ", miêu tả được cái cảnh hừng khởi từ trong lòng khi cảm hứng văn chương của nhà thơ chan chứa.."

Đem so sánh người xưa với người nay là điều hơi gượng ép, nhưng không hiểu tại sao khi đọc thơ Luân Hoán tôi thấy có một cảm nghĩ gì kèm theo. Tình và cảnh trong nhiều bài thơ của ông dường như có liên hệ chặt chẽ với nhau. Như tôi đọc " Đứng dưới chân đèo Bình Đê ":

*Nào xuống cả đây lũ chúng ta  
Đường trưa, cầu hồng xe chưa qua  
Tiếng chim chọt gọi trong rừng lá  
Trời rộng mây dửng theo chúng ta  
Đố bạn núi cao này mấy tuổi  
gió bay, bay mãi có nhớ nhà  
nhịp chày nghe buồn như thờ ra  
đố bạn nơi đây trời mấy ngã  
một ngày trôi nổi mấy người qua  
có ai cùng rủ chân đứng lại  
cũng dạo loanh quanh để gọi là.  
Cũng bắt chước ta tìm phương hướng  
Tìm hơi người trước giữa bao la  
Tìm trong mạch máu ta giọt rượu  
Ngất ngưỡng muôn đời ta là ta  
Đố bạn nơi đây sâu có lại  
Trong lòng những kẻ thích đi xa  
Áo cơm nào nhạt tình sông núi  
Sông núi nào quên kẻ thiết tha  
Bạn hỡi hãy xem hoa lá nở  
Âm thầm như mỗi một chúng ta  
Vấn nhen trong trái tim chút lửa  
soi ấm muôn đường sẽ vượt qua"*

Trong ý nghĩ thô thiển chủ quan của tôi, đây là một bài thơ hay. Tôi cảm thấy mình như lạc vào giữa cõi mênh mông vô tận mà trong đó thiên nhiên như ngầm chứa một tâm sự nào. Núi, rừng, trời đất, không chỉ là đơn sơ cảnh vật mà như muốn nói với người những lời thầm thì của xưa cũ vọng về, của hiện tại đang tới. Giữa cái vô cùng mênh mang của ngọn đèo, cái cảm khái như cơn gió vút qua xao xác trầm lắng nhưng nhiều âm ba rung động. Thiên nhiên, cảnh vật và con người trong một giây phút nào, đã hòa nhập vào nhau, lắng đọng nhưng nồng ấm.

...

Những bài thơ như thế rất nhiều trong " Ổ tình lận lạng ". Mà thơ Luân Hoán thì rất đa diện, đề tài phong phú. Thơ của một người lính trong chiến tranh. Có mặt. Thơ của cậu học trò mê man với cảm xúc yêu đương nam nữ đầu đời. Có mặt. Thơ cho quê hương, cho nơi chốn đã hằn dấu trong tâm tư chẳng thể nào quên. Cũng có mặt. Thơ của một người lưu vong sống ngơ ngác xứ người. Thơ của một người gửi bằng hữu. Thơ của một người nghĩ đến tuổi già sắp đến.. Tất cả có mặt trong tác phẩm mà anh gọi là tập hợp thơ. Anh không tuyển chọn chính thơ mình vì anh không muốn bỏ một bài thơ nào còn sót. Nó như một phần thân thể của anh... Anh giữ lại để cho nó có nhịp thở của trái tim ...

Tôi đọc thơ của anh, từng trang giờ từng trang. Có bài thơ quen. Có bài thơ lạ. Nhưng tất cả vẫn là gọi đến một ý nghĩ. Đây là một tín đồ cực kỳ ngoan đạo của tôn giáo thơ. Và, hình như tôi cũng vừa là một kẻ tân tòng. Cho nên, đọc thơ Luân Hoán để chia sẻ với nhau những nỗi niềm về quê hương, những suy tư về cuộc sống. Cầm cuốn sách trên tay, như nhìn thấy người thơ. Mà đời sống này, mong manh lắm những phút linh cầu. Thơ vẫn là những bái vọng để tìm

kiếm cho được hạt ngọc của trời. Và, tôi vẫn thấy rất nhiều nụ hoa trên con đường tìm kiếm ấy...

+++

(\*) Tường Lam là bút hiệu của Công Tăng Tôn Nữ Tiểu Diện, một hậu duệ của Hoàng Tộc, sinh trưởng tại Huế. Chị là một du học sinh tại Cộng hoà Liên Bang Đức. Học ngành Sư Phạm. Hiện sinh sống với gia đình tại thành phố Offenbach/a.Main. Đức.